PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

BỘ NGOẠI GIAO

NGHỊ ĐỊNH THƯ

PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(Tiếp theo Công báo số 636 + 637)

Mốc giới số 566/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 813,08m, tọa độ địa lý 23° 03' 45,167" vĩ độ Bắc, 105° 41' 24,948" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 566/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 566/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,530km.

Mốc giới số 566/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 801,87m, tọa độ địa lý 23° 03' 45,254" vĩ độ Bắc, 105° 41' 43,288" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 566/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 567. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,464km.

Mốc giới số 567 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 753,84m, tọa độ địa lý 23° 03' 42,610" vĩ độ Bắc, 105° 41' 58,108" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 567, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 843m, đến mốc giới số 568. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,866km.

Mốc giới số 568 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 881,87m, tọa độ địa lý 23° 03' 48,858" vĩ độ Bắc, 105° 42' 25,332" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 568, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 569. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,514km.

Mốc giới số 569 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1348,34m, tọa độ địa lý 23° 03' 43,443" vĩ độ Bắc, 105° 42' 42,422" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 569, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến đáy khe núi, sau đó theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 570. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,087km.

Mốc giới số 570 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1151,43m, tọa độ địa lý 23° 04' 15,700" vĩ độ Bắc, 105° 42' 35,854" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 570, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 570/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,095km.

Mốc giới số 570/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1179,93m, tọa độ địa lý 23° 04' 17,502" vĩ độ Bắc, 105° 42' 38,549" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 570/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1244m, đến mốc giới số 570/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,475km.

Mốc giới số 570/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1210,81m, tọa độ địa lý 23° 04' 04,999" vĩ độ Bắc, 105° 42' 46,484" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 570/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 571. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,646km.

Mốc giới số 571 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 1288,16m, tọa độ địa lý 23° 03' 51,699" vĩ độ Bắc, 105° 43' 01,701" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 571, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 1504m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 572. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,389km.

Mốc giới số 572 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1311,94m, tọa độ địa lý 23° 03' 50,426" vĩ độ Bắc, 105° 43' 15,087" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 572, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1463m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 573. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,495km.

Mốc giới số 573 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1376,00m, tọa độ địa lý 23° 03' 38,789" vĩ độ Bắc, 105° 43' 22,613" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 573, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1510m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 574. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,435km.

Mốc giới số 574 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1301,91m, tọa độ địa lý 23° 03' 31,884" vĩ độ Bắc, 105° 43' 22,511" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 574, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1490m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1501m, đến điểm có độ cao 1456m, rồi theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 575. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,992km.

Mốc giới số 575 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1350,02m, tọa độ địa lý 23° 03' 13,194" vĩ độ Bắc, 105° 43' 39,582" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 575, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1550m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1490m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 576. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,935km.

Mốc giới số 576 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 1172,17m, tọa độ địa lý 23° 02' 53,561" vĩ độ Bắc, 105° 43' 46,988" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 576, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 1470m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 577. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,292km.

Mốc giới số 577 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 1234,38m, tọa độ địa lý 23° 02' 44,168" vĩ độ Bắc, 105° 43' 47,237" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 577, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 1405m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1490m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 578. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,816km.

Mốc giới số 578 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 1344,30m, tọa độ địa lý 23° 02' 25,181" vĩ độ Bắc, 105° 43' 46,699" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 578, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 579. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,353km.

Mốc giới số 579 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1383,77m, tọa độ địa lý 23° 02' 16,209" vĩ độ Bắc, 105° 43' 53,238" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 579, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1463m, đến mốc giới số 580. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,679km.

Mốc giới số 580 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1118,06m, tọa độ địa lý 23° 01' 53,861" vĩ độ Bắc, 105° 44' 31,062" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 580, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 581. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,295km.

Mốc giới số 581 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1004,14m, tọa độ địa lý 23° 01' 59,054" vĩ độ Bắc, 105° 44' 39,521" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 581, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 581/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,075km.

Mốc giới số 581/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 982,98m, tọa độ địa lý 23° 02' 00,155" vĩ độ Bắc, 105° 44' 41,863" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 581/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 581/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,314km.

Mốc giới số 581/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 921,78m, tọa độ địa lý 23° 02' 05,053" vĩ độ Bắc, 105° 44' 51,465" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 581/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 582. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,336km.

Mốc giới số 582 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 780,28m, tọa độ địa lý 23° 02' 00,722" vĩ độ Bắc, 105° 45' 02,311" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 582, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 583. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,335km.

Mốc giới số 583 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 899,91m, tọa độ địa lý 23° 01' 59,260" vĩ độ Bắc, 105° 45' 13,913" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 583, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 584. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,509km.

Mốc giới số 584 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1099,15m, tọa độ địa lý 23° 01' 54,892" vĩ độ Bắc, 105° 45' 31,090" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 584, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 1103m, đến mốc giới số 585. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,434km.

Mốc giới số 585 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1010,91m, tọa độ địa lý 23° 01' 42,721" vĩ độ Bắc, 105° 45' 31,639" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 585, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 586. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,565km.

Mốc giới số 586 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1106,31m, tọa độ địa lý 23° 01' 40,181" vĩ độ Bắc, 105° 45' 47,700" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 586, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1266m, đến mốc giới số 587. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,606km.

Mốc giới số 587 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1197,82m, tọa độ địa lý 23° 01' 34,929" vĩ độ Bắc, 105° 46' 05,698" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 587, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1206m, đến mốc giới số 588. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,414km.

Mốc giới số 588 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1096,37m, tọa độ địa lý 23° 01' 22,098" vĩ độ Bắc, 105° 46' 49,359" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 588, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1310m, đến mốc giới số 589. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,730km.

Mốc giới số 589 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Tây Bắc sông Gâm (Bai Nan He), có độ cao là 256,72m, tọa độ địa lý 23° 00' 34,562" vĩ độ Bắc, 105° 47' 19,144" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 589, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua sông Gâm (Bai Nan He), đến mốc giới số 590. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,079km.

Mốc giới số 590 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Đông Nam sông Gâm (Bai Nan He), có độ cao là 260,93m, tọa độ địa lý 23° 00' 32,373" vĩ độ Bắc, 105° 47' 20,596" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 590, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 591. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,644km.

Mốc giới số 591 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 749,87m, tọa độ địa lý 23° 00' 18,662" vĩ độ Bắc, 105° 47' 37,664" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 591, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 904m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 592. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,612km.

Mốc giới số 592 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 894,43m, tọa độ địa lý 23° 00' 00,202" vĩ độ Bắc, 105° 47' 43,616" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 592, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1190m, đến điểm có độ cao 1598m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 593. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,350km.

Mốc giới số 593 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1474,05m, tọa độ địa lý 22° 59' 31,254" vĩ độ Bắc, 105° 48' 12,257" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 593, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 594. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,318km.

Mốc giới số 594 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1493,84m, tọa độ địa lý 22° 59' 27,803" vĩ độ Bắc, 105° 48' 17,717" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 594, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 595. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,263km.

Mốc giới số 595 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1501,28m, tọa độ địa lý 22° 59' 19,730" vĩ độ Bắc, 105° 48' 56,106" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 595, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 596. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,443km.

Mốc giới số 596 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1410,20m, tọa độ địa lý 22° 59' 28,411" vĩ độ Bắc, 105° 49' 03,510" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 596, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 597. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,719km.

Mốc giới số 597 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1364,99m, tọa độ địa lý 22° 59' 46,595" vĩ độ Bắc, 105° 49' 08,938" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 597, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1444m, đến mốc giới số 598. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,970km.

Mốc giới số 598 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1421,81m, tọa độ địa lý 22° 59' 44,132" vĩ độ Bắc, 105° 49' 40,346" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 598, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 599. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,252km.

Mốc giới số 599 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1203,85m, tọa độ địa lý 22° 59' 17,806" vĩ độ Bắc, 105° 50' 11,186" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 599, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 600. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,486km.

Mốc giới số 600 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1235,45m, tọa độ địa lý 22° 59' 03,227" vĩ độ Bắc, 105° 50' 15,039" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 600, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1350m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 601. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,000km.

Mốc giới số 601 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1224,02m, tọa độ địa lý 22° 58' 43,101" vĩ độ Bắc, 105° 50' 27,679" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 601, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1281m, đến mốc giới số 602. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,426km.

Mốc giới số 602 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1188,38m, tọa độ địa lý 22° 58' 35,201" vĩ độ Bắc, 105° 50' 36,099" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 602, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, qua điểm có độ cao 1227m, đến điểm có độ cao 1268m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 603. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,938km.

Mốc giới số 603 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1147,19m, tọa độ địa lý 22° 58' 17,207" vĩ độ Bắc, 105° 50' 19,131" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 603, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 604. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,585km.

Mốc giới số 604 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1129,34m, tọa độ địa lý 22° 58' 11,346" vĩ độ Bắc, 105° 50' 32,352" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 604, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1267m, đến mốc giới số 605. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,433km.

Mốc giới số 605 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1000,29m, tọa độ địa lý 22° 58' 15,323" vĩ độ Bắc, 105° 51' 13,457" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 605, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, qua điểm có độ cao 1153m, đến mốc giới số 606. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,057km.

Mốc giới số 606 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1107,44m, tọa độ địa lý 22° 57' 52,953" vĩ độ Bắc, 105° 51" 03,070" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 606, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1230m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến mốc giới số 607. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,108km.

Mốc giới số 607 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1119,15m, tọa độ địa lý 22° 57' 38,159" vĩ độ Bắc, 105° 50' 45,798" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 607, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1219m, điểm có độ cao 1279m, đến mốc giới số 608. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,318km.

Mốc giới số 608 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1017,15m, tọa độ địa lý 22° 57' 08,271" vĩ độ Bắc, 105° 51' 10,312" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 608, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1139m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 609. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,452km.

Mốc giới số 609 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1009,63m, tọa độ địa lý 22° 56' 57,062" vĩ độ Bắc, 105° 51' 14,405" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 609, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 610. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,733km.

Mốc giới số 610 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1029,30m, tọa độ địa lý 22° 56' 37,579" vĩ độ Bắc, 105° 51' 15,753" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 610, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1087m, đến mốc giới số 611. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,175km.

Mốc giới số 611 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 824,80m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,520" vĩ độ Bắc, 105° 51' 53,748" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 611, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 612. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,987km.

Mốc giới số 612 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 828,91m, tọa độ địa lý 22° 56' 02,598" vĩ độ Bắc, 105° 52' 16,105" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 612, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 612/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,125km.

Mốc giới số 612/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 937,94m, tọa độ địa lý 22° 56' 00,224" vĩ độ Bắc, 105° 52' 19,674" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 612/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1028m, đến mốc giới số 613. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,390km.

Mốc giới số 613 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 844,89m, tọa độ địa lý 22° 55' 20,438" vĩ độ Bắc, 105° 52' 15,648" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 613, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 614. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,375km.

Mốc giới số 614 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, cạnh đường mòn, có độ cao là 711,94m, tọa độ địa lý 22° 55' 10,828" vĩ độ Bắc, 105° 52' 23,721" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 614, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 615. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,421km.

Mốc giới số 615 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 770,55m, tọa độ địa lý 22° 55' 03,021" vĩ độ Bắc, 105° 52' 35,844" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 615, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 615/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,084km.

Mốc giới số 615/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 751,19m, tọa độ địa lý 22° 55' 01,606" vĩ độ Bắc, 105° 52' 38,350" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 615/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 615/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,077km.

Mốc giới số 615/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 735,09m, tọa độ địa lý 22° 54' 59,910" vĩ độ Bắc, 105° 52' 40,346" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 615/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 616. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,111km.

Mốc giới số 616 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 698,40m, tọa độ địa lý 22° 55' 01,044" vĩ độ Bắc, 105° 52' 44,055" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 616, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 617. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,227km.

Mốc giới số 617 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, cạnh đường mòn, có độ cao là 664,33m, tọa độ địa lý 22° 55' 07,097" vĩ độ Bắc, 105° 52' 48,258" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 617, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 618. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,398km.

Mốc giới số 618 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt tại khe núi, có độ cao là 786,20m, tọa độ địa lý 22° 55' 06,877" vĩ độ Bắc, 105° 53' 02,208" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 618, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 919m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 619. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,529km.

Mốc giới số 619 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 683,76m, tọa độ địa lý 22° 55' 16,045" vĩ độ Bắc, 105° 53' 13,670" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 619, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 620. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,327km.

Mốc giới số 620 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt tại khe núi, có độ cao là 759,55m, tọa độ địa lý 22° 55' 23,270" vĩ độ Bắc, 105° 53' 08,176" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 620, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 936m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 621. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,862km.

Mốc giới số 621 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, cạnh đường mòn, có độ cao là 722,17m, tọa độ địa lý 22° 55' 42,862" vĩ độ Bắc, 105° 53' 05,946" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 621, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 622. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,423km.

Mốc giới số 622 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 757,85m, tọa độ địa lý 22° 55' 54,919" vĩ độ Bắc, 105° 53' 10,800" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 622, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 870m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 958m, đến mốc giới số 623. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,809km.

Mốc giới số 623 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 794,38m, tọa độ địa lý 22° 56' 14,886" vĩ độ Bắc, 105° 53' 18,972" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 623, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 909m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 624. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,765km.

Mốc giới số 624 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 834,57m, tọa độ địa lý 22° 56' 20,098" vĩ độ Bắc, 105° 53' 41,418" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 624, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, cắt qua khe, đến mốc giới số 625. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,159km.

Mốc giới số 625 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 851,15m, tọa độ địa lý 22° 56' 18,842" vĩ độ Bắc, 105° 53' 46,836" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 625, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 625/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,243km.

Mốc giới số 625/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 674,40m, tọa độ địa lý 22° 56' 22,557" vĩ độ Bắc, 105° 53' 54,364" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 625/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua suối Na Thin (suối không tên), đến mốc giới số 626. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,318km.

Mốc giới số 626 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 476,10m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,275" vĩ độ Bắc, 105° 54' 05,142" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 626, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 627. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,091km.

Mốc giới số 627 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 515,24m, tọa độ địa lý 22° 56' 27,339" vĩ độ Bắc, 105° 54' 07,420" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 627, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 628. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,738km.

Mốc giới số 628 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 761,61m, tọa độ địa lý 22° 56' 22,667" vĩ độ Bắc, 105° 54' 31,883" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 628, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 825m, đến mốc giới số 629. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,583km.

Mốc giới số 629 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 824,25m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,455" vĩ độ Bắc, 105° 54' 47,842" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 629, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 630. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,083km.

Mốc giới số 630 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1050,84m, tọa độ địa lý 22° 56' 48,873" vĩ độ Bắc, 105° 55' 20,928" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 630, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 631. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,411km.

Mốc giới số 631 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 890,93m, tọa độ địa lý 22° 56' 42,511" vĩ độ Bắc, 105° 55' 32,851" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 631, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến giao điểm giữa đường thẳng này và trung tuyến đáy khe, sau đó

theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 632, tức là giao điểm giữa trung tuyến đáy hai khe và trung tuyến dòng chảy suối không tên. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,915km.

Mốc giới số 632 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 632(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe phía Trung Quốc, nơi giao nhau của hai khe với suối không tên, có độ cao là 597,67m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,411" vĩ độ Bắc, 105° 55' 56,830" kinh độ Đông. Cột mốc số 632(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe phía Việt Nam, nơi giao nhau của hai khe với suối không tên, có độ cao là 595,27m, tọa độ địa lý 22° 56' 23,818" vĩ độ Bắc, 105° 55' 56,713" kinh độ Đông. Cột mốc số 632(3) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ khe phía Việt Nam, nơi giao nhau của hai khe với suối không tên, có độ cao là 595,09m, tọa độ địa lý 22° 56' 24,226" vĩ độ Bắc, 105° 55' 55,652" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 632(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 632(2) là 28,45m. Khoảng cách từ cột mốc số 632(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 632(1) là 20,66m. Khoảng cách từ cột mốc số 632(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 632(3) là 13,00m. Khoảng cách từ cột mốc số 632(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 632(1) là 36,55m. Khoảng cách từ cột mốc số 632(2) đến cột mốc số 632(3) là 32,73m.

Khoảng cách từ cột mốc số 632(1) đến giao điểm giữa trung tuyến đáy hai khe với trung tuyến dòng chảy suối không tên là 45,64m. Khoảng cách từ cột mốc số 632(2) đến giao điểm giữa trung tuyến đáy hai khe với trung tuyến dòng chảy suối không tên là 16,51m. Khoảng cách từ cột mốc số 632(3) đến giao điểm giữa trung tuyến đáy hai khe với trung tuyến dòng chảy suối không tên là 16,29m.

Từ mốc giới số 632, đường biên giới theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 633. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,440km.

Mốc giới số 633 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 704,29m, tọa độ địa lý 22° 56' 24,611" vĩ độ Bắc, 105° 56' 09,195" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 633, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 634. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,157km.

Mốc giới số 634 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 764,16m, tọa độ địa lý 22° 56' 24,686" vĩ độ Bắc, 105° 56' 14,720" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 634, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 635. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,058km.

Mốc giới số 635 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 757,74m, tọa độ địa lý 22° 56' 23,368" vĩ độ Bắc, 105° 56' 16,189" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 635, đường biên giới theo dốc núi, hướng chung Đông Nam, đến đáy khe, sau đó theo trung tuyến đáy khe núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến giao điểm giữa trung tuyến đáy khe và trung tuyến dòng chảy một nhánh của suối Nà Ri (suối không tên), từ đây chuyển thành biên giới nước, rồi xuôi theo trung tuyến dòng chảy nhánh suối đó, hướng chung Đông Nam, đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy nhánh suối này với trung tuyến dòng chảy suối Nà Ri (suối không tên), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam 69m, đến mốc giới số 636. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,085km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,230km.

Mốc giới số 636 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, bờ Đông suối Nà Ri (suối không tên), có độ cao là 489,34m, tọa độ địa lý 22° 56' 17,624" vĩ độ Bắc, 105° 56' 48,697" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 636, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 637. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,276km.

Mốc giới số 637 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 585,64m, tọa độ địa lý 22° 56' 23,812" vĩ độ Bắc, 105° 56' 55,720" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 637, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua đỉnh núi Kim Hinh có độ cao 699m, đến mốc giới số 638. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,736km.

Mốc giới số 638 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 690,45m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,598" vĩ độ Bắc, 105° 57' 20,392" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 638, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 817m, đến mốc giới số 639. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,263km.

Mốc giới số 639 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 807,96m, tọa độ địa lý 22° 57' 04,822" vĩ độ Bắc, 105° 57' 24,382" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 639, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 592m, đến mốc giới số 640. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,622km.

Mốc giới số 640 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 593,29m, tọa độ địa lý 22° 57' 02,648" vĩ độ Bắc, 105° 57' 45,443" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 640, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 610m, đến mốc giới số 641. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,124km.

Mốc giới số 641 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 512,25m, tọa độ địa lý 22° 56' 56,466" vĩ độ Bắc, 105° 58' 23,934" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 641, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 524m, đến mốc giới số 642. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,403km.

Mốc giới số 642 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 503,41m, tọa độ địa lý 22° 56' 51,654" vĩ độ Bắc, 105° 58' 36,591" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 642, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 510m, đến mốc giới số 643. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,887km.

Mốc giới số 643 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 317,64m, tọa độ địa lý 22° 56' 38,044" vĩ độ Bắc, 105° 59' 01,140" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 643, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 644. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,360km.

Mốc giới số 644 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 374,82m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,941"vĩ độ Bắc, 105° 59' 09,721" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 644, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 644/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,329km.

Mốc giới số 644/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 369,23m, tọa độ địa lý 22° 56' 27,255" vĩ độ Bắc, 105° 59' 17,733" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 644/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 348m, đến mốc giới số 644/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,334km.

Mốc giới số 644/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 342,35m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,645" vĩ độ Bắc, 105° 59' 29,299" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 644/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 645. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,111km.

Mốc giới số 645 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 330,65m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,299" vĩ độ Bắc, 105° 59' 33,182" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 645, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 645/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,120km.

Mốc giới số 645/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 278,72m, tọa độ địa lý 22° 56' 23,823" vĩ độ Bắc, 105° 59' 37,067" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 645/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 646. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,053km.

Mốc giới số 646 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 265,53m, tọa độ địa lý 22° 56' 24,433" vĩ độ Bắc, 105° 59' 38,799" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 646, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 255m (đo trên bản đồ), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó ngược theo trung tuyến dòng chảy suối Pai Ngằm (Ping Meng He), hướng chung là hướng Bắc, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Pai Ngằm (Ping Meng He) và đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy suối Pai Ngằm (Ping Meng He), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, rồi theo đường thẳng này, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 647. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,281km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,236km.

Mốc giới số 647 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở bờ Đông suối Pai Ngằm (Ping Meng He), phía Tây đường cái từ Sóc Giang (Việt Nam) đi Ping Meng (Trung Quốc), có độ cao là 261,51m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,483" vĩ độ Bắc, 105° 59' 40,961" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 647, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua đường cái từ Sóc Giang (Việt Nam) đi Ping Meng (Trung Quốc), đến mốc giới số 648. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,048km.

Mốc giới số 648 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Đông đường cái từ Sóc Giang (Việt Nam) đi Ping Meng (Trung Quốc), có độ cao là 260,96m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,831" vĩ độ Bắc, 105° 59' 42,601" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 648, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 649. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,026km.

Mốc giới số 649 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 261,03m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,577" vĩ độ Bắc, 105° 59' 43,488" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 649, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 649/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,030km.

Mốc giới số 649/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 261,46m, tọa độ địa lý 22° 56' 31,871" vĩ độ Bắc, 105° 59' 44,189" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 649/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 649/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,017km.

Mốc giới số 649/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, có độ cao là 261,49m, tọa độ địa lý 22° 56' 31,687" vĩ độ Bắc, 105° 59' 44,738" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 649/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 649/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,029km.

Mốc giới số 649/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, có độ cao là 262,32m, tọa độ địa lý 22° 56' 31,167" vĩ độ Bắc, 105° 59' 45,578" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 649/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 649/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,034km.

Mốc giới số 649/4 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, có độ cao là 260,14m, tọa độ địa lý 22° 56' 30,301" vĩ độ Bắc, 105° 59' 46,312" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 649/4, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 650. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,032km.

Mốc giới số 650 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 259,63m, tọa độ địa lý 22° 56' 29,770" vĩ độ Bắc, 105° 59' 47,281" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 650, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 650/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,048km.

Mốc giới số 650/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 261,21m, tọa độ địa lý 22° 56' 29,142" vĩ độ Bắc, 105° 59' 48,826" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 650/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 650/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,037km.

Mốc giới số 650/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, có độ cao là 263,93m, tọa độ địa lý 22° 56' 28,574" vĩ độ Bắc, 105° 59' 49,976" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 650/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 651. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,075km.

Mốc giới số 651 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 267,88m, tọa độ địa lý 22° 56' 27,646" vĩ độ Bắc, 105° 59' 52,406" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 651, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 651/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,115km.

Mốc giới số 651/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, có độ cao là 321,69m, tọa độ địa lý 22° 56' 30,879" vĩ độ Bắc, 105° 59' 54,426" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 651/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 651/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,065km.

Mốc giới số 651/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, có độ cao là 341,59m, tọa độ địa lý 22° 56' 32,817" vĩ độ Bắc, 105° 59' 55,359" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 651/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 651/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,086km.

Mốc giới số 651/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 359,36m, tọa độ địa lý 22° 56' 35,472" vĩ độ Bắc, 105° 59' 56,309" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 651/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 652. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,153km.

Mốc giới số 652 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 395,10m, tọa độ địa lý 22° 56' 40,440" vĩ độ Bắc, 105° 59' 56,668" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 652, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 653. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,315km.

Mốc giới số 653 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 512,17m, tọa độ địa lý 22° 56' 46,431" vĩ độ Bắc, 106° 00' 05,628" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 653, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 654. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,162km.

Mốc giới số 654 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 541,59m, tọa độ địa lý 22° 56' 51,173" vĩ độ Bắc, 106° 00' 08,128" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 654, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 655. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,130km.

Mốc giới số 655 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 564,89m, tọa độ địa lý 22° 56' 55,382" vĩ độ Bắc, 106° 00' 08,175" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 655, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 656. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,181km.

Mốc giới số 656 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 591,54m, tọa độ địa lý 22° 57' 00,884" vĩ độ Bắc, 106° 00' 05,914" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 656, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 657. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,070km.

Mốc giới số 657 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 592,31m, tọa độ địa lý 22° 57' 02,653" vĩ độ Bắc, 106° 00' 07,471" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 657, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến điểm có độ cao 725m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 658. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,630km.

Mốc giới số 658 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 570,90m, tọa độ địa lý 22° 57' 19,767" vĩ độ Bắc, 106° 00' 17,745" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 658, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 659. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,213km.

Mốc giới số 659 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 568,13m, tọa độ địa lý 22° 57' 26,670" vĩ độ Bắc, 106° 00' 18,379" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 659, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến điểm có độ cao 815m, sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 660. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,572km.

Mốc giới số 660 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 698,61m, tọa độ địa lý 22° 57' 44,769" vĩ độ Bắc, 106° 00' 21,472" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 660, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 806m, đến mốc giới số 661. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,473km.

Mốc giới số 661 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 637,02m, tọa độ địa lý 22° 57' 58,553" vĩ độ Bắc, 106° 00' 26,291" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 661, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 662. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,701km.

Mốc giới số 662 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 703,23m, tọa độ địa lý 22° 58' 16,546" vĩ độ Bắc, 106° 00' 22,776" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 662, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến điểm có độ cao 745m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 662/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,371km.

Mốc giới số 662/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 576,81m, tọa độ địa lý 22° 58' 27,990" vĩ độ Bắc, 106° 00' 25,672" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 662/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 565m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc, đến mốc giới số 662/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,250km.

Mốc giới số 662/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 625,02m, tọa độ địa lý 22° 58' 35,993" vĩ độ Bắc, 106° 00' 24,358" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 662/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến mốc giới số 663. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,311km.

Mốc giới số 663 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 733,35m, tọa độ địa lý 22° 58' 42,739" vĩ độ Bắc, 106° 00' 16,207" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 663, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến mốc giới số 664. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,510km.

Mốc giới số 664 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 846,77m, tọa độ địa lý 22° 58' 52,577" vĩ độ Bắc, 106° 00' 04,553" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 664, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 887m, đến mốc giới số 665. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,775km.

Mốc giới số 665 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 852,65m, tọa độ địa lý 22° 59' 16,967" vĩ độ Bắc, 106° 00' 06,664" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 665, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 666. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,395km.

Mốc giới số 666 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 908,96m, tọa độ địa lý 22° 59' 28,564" vĩ độ Bắc, 106° 00' 02,038" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 666, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 667. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,690km.

Mốc giới số 667 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 738,47m, tọa độ địa lý 22° 59' 33,988" vĩ độ Bắc, 106° 00' 23,495" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 667, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 668. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,685km.

Mốc giới số 668 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 761,71m, tọa độ địa lý 22° 59' 35,617" vĩ độ Bắc, 106° 00' 45,471" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 668, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 775m, đến mốc giới số 669. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,661km.

Mốc giới số 669 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi Nà Lẹng Nua (Nei Long Shan), có độ cao là 791,80m, tọa độ địa lý 22° 59' 26,751" vĩ độ Bắc, 106° 01' 05,072" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 669, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 737m (tọa độ địa lý 22° 59' 33,52" vĩ độ Bắc, 106° 01' 19,80" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 670. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,900km.

Mốc giới số 670 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 693,68m, tọa độ địa lý 22° 59' 33,923" vĩ độ Bắc, 106° 01' 33,966" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 670, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 771m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 671. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,497km.

Mốc giới số 671 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 749,59m, tọa độ địa lý 22° 59' 34,625" vĩ độ Bắc, 106° 01' 47,694" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 671, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 806m, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 784m, đến mốc giới số 672. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,986km.

Mốc giới số 672 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 694,12m, tọa độ địa lý 22° 59' 38,491" vĩ độ Bắc, 106° 02' 17,097" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 672, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 725m (tọa độ địa lý 22° 59' 38,49" vĩ độ Bắc, 106° 02' 20,11" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 673. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,463km.

Mốc giới số 673 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 600,99m, tọa độ địa lý 22° 59' 27,377" vĩ độ Bắc, 106° 02' 24,742" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 673, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 611m (tọa độ địa lý 22° 59' 23,43" vĩ độ Bắc, 106° 02' 30,19" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 674. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,341km.

Mốc giới số 674 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 601,85m, tọa độ địa lý 22° 59' 23,332" vĩ độ Bắc, 106° 02' 35,179" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 674, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 608m, đến mốc giới số 675. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,616km.

Mốc giới số 675 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 525,90m, tọa độ địa lý 22° 59' 28,085" vĩ độ Bắc, 106° 02' 52,273" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 675, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 676. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,198km.

Mốc giới số 676 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 585,08m, tọa độ địa lý 22° 59' 33,000" vĩ độ Bắc, 106° 02' 56,641" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 676, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 677. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,741km.

Mốc giới số 677 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 704,41m, tọa độ địa lý 22° 59' 36,852" vĩ độ Bắc, 106° 03' 15,886" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 677, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 810m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 678. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,459km.

Mốc giới số 678 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 731,58m, tọa độ địa lý 22° 59' 27,569" vĩ độ Bắc, 106° 03' 24,814" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 678, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến điểm có độ cao 919m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1042m, đến mốc giới số 679. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,955km.

Mốc giới số 679 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 964,99m, tọa độ địa lý 22° 59' 33,033" vĩ độ Bắc, 106° 03' 54,388" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 679, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 680. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,316km.

Mốc giới số 680 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1005,95m, tọa độ địa lý 22° 59' 37,369" vĩ độ Bắc, 106° 04' 04,149" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 680, đường biên giới theo dốc núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1022m (tọa độ địa lý 22° 59' 37,08" vĩ độ Bắc, 106° 04' 07,57" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 961m (tọa độ địa lý 22° 59' 40,18" vĩ độ Bắc, 106° 04' 14,06" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 681. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,531km.

Mốc giới số 681 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 871,82m, tọa độ địa lý 22° 59' 45,395" vĩ độ Bắc, 106° 04' 19,589" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 681, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 682. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,420km.

Mốc giới số 682 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 1053,19m, tọa độ địa lý 22° 59' 55,232" vĩ độ Bắc, 106° 04' 29,773" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 682, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến đỉnh núi Thiêng Hoài (Jiao Long Huai Shan) có độ cao 1145m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao

1125m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 683. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,492km.

Mốc giới số 683 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1040,69m, tọa độ địa lý 22° 59' 56,271" vĩ độ Bắc, 106° 05' 09,286" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 683, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 684. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,023km.

Mốc giới số 684 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1032,68m, tọa độ địa lý 22° 59' 34,271" vĩ độ Bắc, 106° 05' 25,278" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 684, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1109m, đến điểm có độ cao 1069m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 685. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,199km.

Mốc giới số 685 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 969,05m, tọa độ địa lý 22° 59' 36,004" vĩ độ Bắc, 106° 05' 47,570" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 685, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 686. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,409km.

Mốc giới số 686 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 964,42m, tọa độ địa lý 22° 59' 26,412" vĩ độ Bắc, 106° 05' 54,541" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 686, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 687. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,403km.

Mốc giới số 687 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 973,57m, tọa độ địa lý 22° 59' 14,988" vĩ độ Bắc, 106° 05' 58,445" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 687, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 688. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,951km.

Mốc giới số 688 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 927,12m, tọa độ địa lý 22° 59' 22,156" vĩ độ Bắc, 106° 06' 25,618" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 688, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1030m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1032m, đến mốc giới số 689. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,534km.

Mốc giới số 689 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1035,75m, tọa độ địa lý 22° 59' 07,198" vĩ độ Bắc, 106° 07' 04,124" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 689, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1030m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 690. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,059km.

Mốc giới số 690 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 831,97m, tọa độ địa lý 22° 59' 18,983" vĩ độ Bắc, 106° 07' 32,834" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 690, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 691. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,590km.

Mốc giới số 691 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1000,95m, tọa độ địa lý 22° 59' 24,615" vĩ độ Bắc, 106° 07' 50,366" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 691, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 692. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,632km.

Mốc giới số 692 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 920,05m, tọa độ địa lý 22° 59' 39,738" vĩ độ Bắc, 106° 07' 54,732" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 692, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 693. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,557km.

Mốc giới số 693 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1024,72m, tọa độ địa lý 22° 59' 48,086" vĩ độ Bắc, 106° 08' 08,639" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 693, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 694. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,579km.

Mốc giới số 694 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên dốc núi, có độ cao là 946,15m, tọa độ địa lý 22° 59' 43,509" vĩ độ Bắc, 106° 08' 25,731" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 694, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1025m, đến mốc giới số 695. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,395km.

Mốc giới số 695 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 903,58m, tọa độ địa lý 22° 59' 45,166" vĩ độ Bắc, 106° 08' 37,596" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 695, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 993m, điểm có độ cao 882m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 696. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,237km.

Mốc giới số 696 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 790,42m, tọa độ địa lý 22° 59' 31,077" vĩ độ Bắc, 106° 09' 12,146" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 696, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 916m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 697. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,595km.

Mốc giới số 697 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 836,66m, tọa độ địa lý 22° 59' 18,035" vĩ độ Bắc, 106° 09' 24,704" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 697, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 946m, đến mốc giới số 698. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,811km.

Mốc giới số 698 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 872,77m, tọa độ địa lý 22° 59' 12,426" vĩ độ Bắc, 106° 09' 48,266" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 698, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 934m, đến mốc giới số 699. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,349km.

Mốc giới số 699 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, đầu thung lũng, có độ cao là 829,68m, tọa độ địa lý 22° 59' 04,409" vĩ độ Bắc, 106° 09' 54,424" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 699, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 700. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,067km.

Mốc giới số 700 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 862,78m, tọa độ địa lý 22° 59' 03,161" vĩ độ Bắc, 106° 09' 56,340" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 700, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 879m (tọa độ địa lý 22° 59' 03,71" vĩ độ Bắc, 106° 10' 01,55" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 701. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,235km.

Mốc giới số 701 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 888,80m, tọa độ địa lý 22° 59' 06,069" vĩ độ Bắc, 106° 10' 03,167" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 701, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 702. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,199km.

Mốc giới số 702 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 985,38m, tọa độ địa lý 22° 59' 04,795" vĩ độ Bắc, 106° 10' 10,022" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 702, đường biên giới theo dốc núi, phía Nam điểm có độ cao 1098m trong lãnh thổ Trung Quốc, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1078m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 1089m, đến mốc giới số 703. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,139km.

Mốc giới số 703 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 1047,52m, tọa độ địa lý 22° 59' 01,905" vĩ độ Bắc, 106° 10' 45,026" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 703, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 1105m, đến mốc giới số 704. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,846km.

Mốc giới số 704 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 996,76m, tọa độ địa lý 22° 59' 17,699" vĩ độ Bắc, 106° 11' 04,344" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 704, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1090m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 705. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,034km.

Mốc giới số 705 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 1028,08m, tọa độ địa lý 22° 59' 08,155" vĩ độ Bắc, 106° 11' 29,820" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 705, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua đỉnh núi Lũng Rỉ có độ cao 1113m, đến mốc giới số 706. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,017km.

Mốc giới số 706 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 1076,14m, tọa độ địa lý 22° 59' 13,027" vĩ độ Bắc, 106° 12' 00,510" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 706, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1098m, điểm có độ cao 1105m, điểm có độ cao 1079m, đến mốc giới số 707. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,126km.

Mốc giới số 707 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 1007,66m, tọa độ địa lý 22° 58' 47,042" vĩ độ Bắc, 106° 12' 22,212" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 707, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 708. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,040km.

Mốc giới số 708 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 977,85m, tọa độ địa lý 22° 58' 06,918" vĩ độ Bắc, 106° 13' 02,290" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 708, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1070m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 709. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,585km.

Mốc giới số 709 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 942,40m, tọa độ địa lý 22° 57' 51,509" vĩ độ Bắc, 106° 13' 11,343" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 709, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 1030m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1081m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 710. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,007km.

Mốc giới số 710 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 959,63m, tọa độ địa lý 22° 57' 39,900" vĩ độ Bắc, 106° 13' 25,280" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 710, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 1109m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 711. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,696km.

Mốc giới số 711 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 921,06m, tọa độ địa lý 22° 57' 28,139" vĩ độ Bắc, 106° 13' 40,526" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 711, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 1034m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 712. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,824km.

Mốc giới số 712 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt tại thung lũng, cạnh đường mòn, có độ cao là 832,45m, tọa độ địa lý 22° 57' 17,153" vĩ độ Bắc, 106° 14' 05,216" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 712, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 946m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 713. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,708km.

Mốc giới số 713 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 949,01m, tọa độ địa lý 22° 57' 03,109" vĩ độ Bắc, 106° 14' 10,004" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 713, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 714. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,686km.

Mốc giới số 714 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 868,59m, tọa độ địa lý 22° 56' 43,806" vĩ độ Bắc, 106° 14' 05,600" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 714, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1047m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1035m, đến mốc giới số 715. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,111km.

Mốc giới số 715 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 905,49m, tọa độ địa lý 22° 56' 30,097" vĩ độ Bắc, 106° 14' 29,440" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 715, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 716. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,549km.

Mốc giới số 716 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 884,96m, tọa độ địa lý 22° 56' 15,065" vĩ độ Bắc, 106° 14' 27,237" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 716, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 1030m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1010m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 717. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,018km.

Mốc giới số 717 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 887,23m, tọa độ địa lý 22° 56' 00,341" vĩ độ Bắc, 106° 14' 48,547" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 717, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 1013m, điểm có độ cao 1059m, đến mốc giới số 718. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,451km.

Mốc giới số 718 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 912,29m, tọa độ địa lý 22° 55' 22,669" vĩ độ Bắc, 106° 15' 07,064" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 718, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 1049m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 1025m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 719. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,199km.

Mốc giới số 719 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 860,21m, tọa độ địa lý 22° 54' 35,273" vĩ độ Bắc, 106° 15' 52,029" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 719, đường biên giới theo dốc núi, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 720. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,300km.

Mốc giới số 720 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 934,50m, tọa độ địa lý 22° 54' 26,302" vĩ độ Bắc, 106° 15' 53,903" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 720, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 970m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1058m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 721. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,607km.

Mốc giới số 721 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 861,78m, tọa độ địa lý 22° 53' 53,307" vĩ độ Bắc, 106° 15' 33,837" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 721, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 722. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,603km.

Mốc giới số 722 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 855,50m, tọa độ địa lý 22° 53' 48,778" vĩ độ Bắc, 106° 15' 19,547" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 722, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 723. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,571km.

Mốc giới số 723 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 956,38m, tọa độ địa lý 22° 53' 41,915" vĩ độ Bắc, 106° 15' 03,948" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 723, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 1069m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 1024m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 724. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,704km.

Mốc giới số 724 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 744,50m, tọa độ địa lý 22° 53' 05,890" vĩ độ Bắc, 106° 15' 28,480" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 724, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 958m, sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 725. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,788km.

Mốc giới số 725 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 838,68m, tọa độ địa lý 22° 52' 59,940" vĩ độ Bắc, 106° 15' 49,777" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 725, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 1017m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây-Tây Nam, đến mốc giới số 726. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,653km.

Mốc giới số 726 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 845,24m, tọa độ địa lý 22° 52' 50,290" vĩ độ Bắc, 106° 15' 33,240" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 726, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến điểm có độ cao 970m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 978m, điểm có độ cao 945m, đến mốc giới số 727. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,696km.

Mốc giới số 727 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 858,86m, tọa độ địa lý 22° 52' 31,399" vĩ độ Bắc, 106° 16' 00,815" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 727, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 1014m, đến mốc giới số 728. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,535km.

Mốc giới số 728 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 853,87m, tọa độ địa lý 22° 52' 14,462" vĩ độ Bắc, 106° 16' 39,873" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 728, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 930m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng

Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 728/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,316km.

Mốc giới số 728/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 876,52m, tọa độ địa lý 22° 52' 12,592" vĩ độ Bắc, 106° 16' 48,027" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 728/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 948m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 728/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,367km.

Mốc giới số 728/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 893,27m, tọa độ địa lý 22° 52' 11,821" vĩ độ Bắc, 106° 16' 59,504" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 728/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 729. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,230km.

Mốc giới số 729 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 828,88m, tọa độ địa lý 22° 52' 09,452" vĩ độ Bắc, 106° 17' 07,157" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 729, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến đỉnh núi Sam Sẩu có độ cao 914m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 730. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,822km.

Mốc giới số 730 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 869,63m, tọa độ địa lý 22° 52' 15,105" vĩ độ Bắc, 106° 17' 27,362" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 730, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 731. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,600km.

Mốc giới số 731 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 905,35m, tọa độ địa lý 22° 52' 31,706" vĩ độ Bắc, 106° 17' 28,018" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 731, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 731/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,198km.

Mốc giới số 731/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 909,67m, tọa độ địa lý 22° 52' 31,261" vĩ độ Bắc, 106° 17' 34,945" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 731/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua đỉnh núi Kéo Lộc (Ba Tie Shan) có độ cao 919m, đến mốc giới số 731/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,390km.

Mốc giới số 731/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 900,96m, tọa độ địa lý 22° 52' 26,408" vĩ độ Bắc, 106° 17' 45,929" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 731/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 731/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,183km.

Mốc giới số 731/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ, có độ cao là 873,54m, tọa độ địa lý 22° 52' 29,125" vĩ độ Bắc, 106° 17' 51,648" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 731/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 732. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,129km.

Mốc giới số 732 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 862,50m, tọa độ địa lý 22° 52' 27,545" vĩ độ Bắc, 106° 17' 55,845" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 732, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 916m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 733. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,104km.

Mốc giới số 733 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 797,13m, tọa độ địa lý 22° 52' 04,894" vĩ độ Bắc, 106° 18' 20,263" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 733, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 808m, đến mốc giới số 734. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,767km.

Mốc giới số 734 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 747,67m, tọa độ địa lý 22° 51' 50,803" vĩ độ Bắc, 106° 18' 40,382" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 734, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 734/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,100km.

Mốc giới số 734/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 769,07m, tọa độ địa lý 22° 51' 52,000" vĩ độ Bắc, 106° 18' 43,646" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 734/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 734/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,151km.

Mốc giới số 734/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 778,13m, tọa độ địa lý 22° 51' 56,790" vĩ độ Bắc, 106° 18' 43,855" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 734/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 735. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,205km.

Mốc giới số 735 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 768,20m, tọa độ địa lý 22° 52' 00,460" vĩ độ Bắc, 106° 18' 49,685" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 735, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 735/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,256km.

Mốc giới số 735/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 705,76m, tọa độ địa lý 22° 51' 57,041" vĩ độ Bắc, 106° 18' 57,079" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 735/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 735/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,044km.

Mốc giới số 735/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 685,24m, tọa độ địa lý 22° 51' 56,895" vĩ độ Bắc, 106° 18' 58,597" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 735/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 736. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,045km.

Mốc giới số 736 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 663,66m, tọa độ địa lý 22° 51' 56,959" vĩ độ Bắc, 106° 19' 00,181" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 736, đường biên giới theo bờ ruộng, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối và trung tuyến dòng chảy mương nước, tức là điểm có độ cao 659m (tọa độ địa lý 22° 51' 57,32" vĩ độ Bắc, 106° 19' 01,92" kinh độ Đông), sau đó theo mép Đông của mương nước (chân bờ ruộng của Việt Nam), hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 736/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,190km.

Mốc giới số 736/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại bờ Đông của mương nước, có độ cao là 658,50m, tọa độ địa lý 22° 52' 00,807" vĩ độ Bắc, 106° 19' 04,704" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 736/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 736/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,041km.

Mốc giới số 736/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 672,25m, tọa độ địa lý 22° 52' 01,118" vĩ độ Bắc, 106° 19' 06,108" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 736/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 737. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,090km.

Mốc giới số 737 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 722,89m, tọa độ địa lý 22° 52' 03,470" vĩ độ Bắc, 106° 19' 08,005" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 737, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 737/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,194km.

Mốc giới số 737/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, phía Nam đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 683,14m, tọa độ địa lý 22° 52' 06,820" vĩ độ Bắc, 106° 19' 13,752" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 737/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 737/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,122km.

Mốc giới số 737/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Nam đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 696,56m, tọa độ địa lý 22° 52' 03,260" vĩ độ Bắc, 106° 19' 15,661" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 737/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 738. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,100km.

Mốc giới số 738 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt cạnh đường mòn, phía Đông đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 684,26m, tọa độ địa lý 22° 52' 04,264" vĩ độ Bắc, 106° 19' 18,991" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 738, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 739. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,176km.

Mốc giới số 739 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn, phía Đông đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 683,40m, tọa độ địa lý 22° 52' 09,444" vĩ độ Bắc, 106° 19' 21,602" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 739, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 739/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,154km.

Mốc giới số 739/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Đông đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 675,00m, tọa độ địa lý 22° 52' 14,193" vĩ độ Bắc, 106° 19' 23,262" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 739/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 739/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,144km.

Mốc giới số 739/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Đông đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 671,41m, tọa độ địa lý 22° 52' 18,719" vĩ độ Bắc, 106° 19' 24,582" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 739/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 740. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,090km.

Mốc giới số 740 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn, giữa khu dân cư của hai bên Việt Nam - Trung Quốc, có độ cao là 671,37m, tọa độ địa lý 22° 52' 21,493" vĩ độ Bắc, 106° 19' 25,552" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 740, đường biên giới theo trung tuyến đường mòn, giữa khu dân cư của hai bên Việt Nam - Trung Quốc, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 740/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,036km.

Mốc giới số 740/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn, giữa khu dân cư của hai bên Việt Nam - Trung Quốc, có độ cao là 671,18m, tọa độ địa lý 22° 52' 22,630" vĩ độ Bắc, 106° 19' 25,812" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 740/1, đường biên giới theo giữa hàng cây của Trung Quốc và con đường tuần tra của Việt Nam, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 740/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,024km.

Mốc giới số 740/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, giữa đường cái trong lãnh thổ Việt Nam và đường đất trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 670,85m, tọa độ địa lý 22° 52' 23,372" vĩ độ Bắc, 106° 19' 25,823" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 740/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 741. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,029km.

Mốc giới số 741 là mốc đơn, loại lớn, làm bằng đá hoa cương, có gắn quốc huy, đặt tại phía Tây đường cái từ cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) đi Long Bang (Trung Quốc), có độ cao là 670,38m, tọa độ địa lý 22° 52' 24,276" vĩ độ Bắc, 106° 19' 25,581" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 741, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua đường cái từ cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) đi Long Bang (Trung Quốc), đến mốc giới số 742. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,023km.

Mốc giới số 742 là mốc đơn, loại lớn, làm bằng đá hoa cương, có gắn quốc huy, đặt tại phía Đông đường cái từ cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) đi Long Bang (Trung Quốc), có độ cao là 670,36m, tọa độ địa lý 22° 52' 24,611" vĩ độ Bắc, 106° 19' 26,302" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 742, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 742/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,010km.

Mốc giới số 742/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại phía Đông đường cái từ cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) đi Long Bang (Trung Quốc), có độ cao là 670,27m, tọa độ địa lý 22° 52' 24,917" vĩ độ Bắc, 106° 19' 26,393" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 742/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 742/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,021km.

Mốc giới số 742/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại phía Đông đường cái từ cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) đi Long Bang (Trung Quốc), có độ cao là 670,29m, tọa độ địa lý 22° 52' 25,401" vĩ độ Bắc, 106° 19' 26,910" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 742/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 742/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,044km.

Mốc giới số 742/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ, có độ cao là 701,78m, tọa độ địa lý 22° 52' 26,200" vĩ độ Bắc, 106° 19' 28,210" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 742/3, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 743. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,033km.

Mốc giới số 743 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 698,17m, tọa độ địa lý 22° 52' 26,742" vĩ độ Bắc, 106° 19' 29,193" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 743, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 743/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,073km.

Mốc giới số 743/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 714,03m, tọa độ địa lý 22° 52' 27,695" vĩ độ Bắc, 106° 19' 31,518" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 743/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 743/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,062km.

Mốc giới số 743/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 741,40m, tọa độ địa lý 22° 52' 28,140" vĩ độ Bắc, 106° 19' 33,651" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 743/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 744. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,226km.

Mốc giới số 744 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 821,64m, tọa độ địa lý 22° 52' 24,333" vĩ độ Bắc, 106° 19' 40,436" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 744, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 789m (tọa độ địa lý 22° 52' 20,15" vĩ độ Bắc, 106° 19' 45,57" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 745. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,478km.

Mốc giới số 745 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 673,46m, tọa độ địa lý 22° 52' 12,222" vĩ độ Bắc, 106° 19' 50,376" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 745, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 745/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,045km.

Mốc giới số 745/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 674,00m, tọa độ địa lý 22° 52' 10,860" vĩ độ Bắc, 106° 19' 50,915" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 745/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 745/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,045km.

Mốc giới số 745/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 689,45m, tọa độ địa lý 22° 52' 10,978" vĩ độ Bắc, 106° 19' 52,498" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 745/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 825m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 746. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,425km.

Mốc giới số 746 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 786,10m, tọa độ địa lý 22° 52' 02,619" vĩ độ Bắc, 106° 20' 01,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 746, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, cắt qua một đường mòn, qua đỉnh núi Pài Nhũng có độ cao 954m, đến điểm có độ cao 955m, sau đó theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 747. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,854km.

Mốc giới số 747 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 882,94m, tọa độ địa lý 22° 51' 45,903" vĩ độ Bắc, 106° 20' 22,350" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 747, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 950m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 965m, điểm có độ cao 909m, đến mốc giới số 748. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,295km.

Mốc giới số 748 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 705,25m, tọa độ địa lý 22° 51' 20,895" vĩ độ Bắc, 106° 20' 48,257" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 748, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 801m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 749. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,379km.

Mốc giới số 749 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 720,76m, tọa độ địa lý 22° 51' 21,307" vĩ độ Bắc, 106° 21' 01,494" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 749, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 927m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 750. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,417km.

Mốc giới số 750 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên dốc núi, có độ cao là 761,38m, tọa độ địa lý 22° 51' 26,703" vĩ độ Bắc, 106° 21' 14,489" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 750, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, cắt qua khe, đến điểm có độ cao 924m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 885m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 751. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,766km.

Mốc giới số 751 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 762,89m, tọa độ địa lý 22° 51' 41,151" vĩ độ Bắc, 106° 21' 30,171" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 751, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc 260m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 899m, đến điểm có độ cao 875m, rồi theo đường thẳng, hướng Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 752. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,127km.

Mốc giới số 752 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 769,89m, tọa độ địa lý 22° 52' 34,449" vĩ độ Bắc, 106° 21' 52,382" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 752, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 911m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 946m (đo trên bản đồ), đến mốc giới số 753. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,667km.

Mốc giới số 753 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 805,86m, tọa độ địa lý 22° 52' 49,629" vĩ độ Bắc, 106° 22' 00,257" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 753, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 754. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,328km.

Mốc giới số 754 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 817,11m, tọa độ địa lý 22° 52' 55,395" vĩ độ Bắc, 106° 22' 09,407" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 754, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 921m, đến mốc giới số 755. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,805km.

Mốc giới số 755 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 626,18m, tọa độ địa lý 22° 53' 02,556" vĩ độ Bắc, 106° 22' 34,752" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 755, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 703m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 732m, đến mốc giới số 756. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,758km.

Mốc giới số 756 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Tây của sông Bắc Vọng (Qi Long He), có độ cao là 613,92m, tọa độ địa lý 22° 52' 58,671" vĩ độ Bắc, 106° 22' 56,684" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 756, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 615m (tọa độ địa lý 22° 52' 58,67" vĩ độ Bắc, 106° 22' 57,32" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 756/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,037km.

Mốc giới số 756/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Tây của sông Bắc Vọng (Qi Long He), có độ cao là 614,30m, tọa độ địa lý 22° 52' 58,537" vĩ độ Bắc, 106° 22' 57,963" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 756/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua sông Bắc Vọng (Qi Long He), đến mốc giới số 757. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,064km.

Mốc giới số 757 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Đông của sông Bắc Vọng (Qi Long He), có độ cao là 613,92m, tọa độ địa lý 22° 52' 57,327" vĩ độ Bắc, 106° 22' 59,808" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 757, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 614m (tọa độ địa lý 22° 52' 57,24" vĩ độ Bắc, 106° 23' 00,36" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 677m (tọa độ địa lý 22° 52' 58,30" vĩ độ Bắc, 106° 23' 02,70" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 710m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 758. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,264km.

Mốc giới số 758 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 690,69m, tọa độ địa lý 22° 52' 59,576" vĩ độ Bắc, 106° 23' 06,872" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 758, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 827m, đến mốc giới số 759. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,941km.

Mốc giới số 759 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 635,61m, tọa độ địa lý 22° 52' 55,898" vĩ độ Bắc, 106° 23' 32,776" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 759, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 759/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,094km.

Mốc giới số 759/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 664,64m, tọa độ địa lý 22° 52' 52,837" vĩ độ Bắc, 106° 23' 32,591" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 759/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 858m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 878m, đến điểm có độ cao 892m, rồi theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 760. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,871km.

Mốc giới số 760 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 658,98m, tọa độ địa lý 22° 52' 33,605" vĩ độ Bắc, 106° 24' 20,762" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 760, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 808m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 839m, đến điểm có độ cao 861m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 761. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,408km.

Mốc giới số 761 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 749,67m, tọa độ địa lý 22° 52' 39,591" vĩ độ Bắc, 106° 24' 55,546" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 761, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 905m, đỉnh núi Pát Choang (Long Po Shan) có độ cao 864m, đến mốc giới số 762. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,212km.

Mốc giới số 762 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 766,04m, tọa độ địa lý 22° 53' 11,079" vĩ độ Bắc, 106° 24' 41,711" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 762, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 844m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 810m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 763. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,813km.

Mốc giới số 763 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, cạnh đường mòn, có độ cao là 654,73m, tọa độ địa lý 22° 53' 30,070" vĩ độ Bắc, 106° 25' 25,608" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 763, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 848m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 877m, đến mốc giới số 764. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,103km.

Mốc giới số 764 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 762,57m, tọa độ địa lý 22° 53' 09,626" vĩ độ Bắc, 106° 25' 47,051" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 764, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 859m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 765. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,842km.

Mốc giới số 765 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 736,37m, tọa độ địa lý 22° 53' 05,088" vĩ độ Bắc, 106° 26' 04,126" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 765, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 766. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,537km.

Mốc giới số 766 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 791,50m, tọa độ địa lý 22° 53' 18,821" vĩ độ Bắc, 106° 26' 13,513" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 766, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 871m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến điểm có độ cao 890m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 766/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,874km.

Mốc giới số 766/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 751,23m, tọa độ địa lý 22° 53' 31,140" vĩ độ Bắc, 106° 26' 33,132" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 766/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 767. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,061km.

Mốc giới số 767 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 716,69m, tọa độ địa lý 22° 53' 31,511" vĩ độ Bắc, 106° 26' 35,223" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 767, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 785m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 768. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,365km.

Mốc giới số 768 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 708,30m, tọa độ địa lý 22° 53' 41,954" vĩ độ Bắc, 106° 26' 40,290" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 768, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 816m, đến mốc giới số 769. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,536km.

Mốc giới số 769 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 694,98m, tọa độ địa lý 22° 53' 55,471" vĩ độ Bắc, 106° 26' 41,542" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 769, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua đỉnh núi Pó Thúm có độ cao 879m, đến mốc giới số 770. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,538km.

Mốc giới số 770 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 763,98m, tọa độ địa lý 22° 54' 09,908" vĩ độ Bắc, 106° 26' 49,994" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 770, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 830m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 771. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,491km.

Mốc giới số 771 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 663,40m, tọa độ địa lý 22° 54' 12,679" vĩ độ Bắc, 106° 27' 00,778" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 771, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 783m, đến mốc giới số 772. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,637km.

Mốc giới số 772 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 695,62m, tọa độ địa lý 22° 54' 11,185" vĩ độ Bắc, 106° 27' 19,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 772, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 830m, đến mốc giới số 773. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,393km.

Mốc giới số 773 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 630,16m, tọa độ địa lý 22° 53' 48,153" vĩ độ Bắc, 106° 27' 48,420" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 773, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến điểm có độ cao 765m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 861m, rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 842m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 774. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,620km.

Mốc giới số 774 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 741,83m, tọa độ địa lý 22° 54' 09,364" vĩ độ Bắc, 106° 28' 19,704" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 774, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 898m, đến mốc giới số 775. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,715km.

Mốc giới số 775 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 591,25m, tọa độ địa lý 22° 54' 28,910" vĩ độ Bắc, 106° 28' 23,258" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 775, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 870m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 902m, đỉnh núi Lăng Kê có độ cao 810m, đến mốc giới số 776. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,502km.

Mốc giới số 776 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 657,55m, tọa độ địa lý 22° 54' 10,732" vĩ độ Bắc, 106° 29' 18,191" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 776, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 776/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,328km.

Mốc giới số 776/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 648,52m, tọa độ địa lý 22° 54' 18,576" vĩ độ Bắc, 106° 29' 21,706" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 776/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 777. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,168km.

Mốc giới số 777 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi phía Bắc cửa ra của suối ngầm, có độ cao là 577,16m, tọa độ địa lý 22° 54' 22,597" vĩ độ Bắc, 106° 29' 25,674" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 777, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 777/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,047km.

Mốc giới số 777/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 600,24m, tọa độ địa lý 22° 54' 24,073" vĩ độ Bắc, 106° 29' 26,112" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 777/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 810m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 785m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 778. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,140km.

Mốc giới số 778 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 599,89m, tọa độ địa lý 22° 54' 23,697" vĩ độ Bắc, 106° 29' 56,246" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 778, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 778/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,207km.

Mốc giới số 778/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 645,00m, tọa độ địa lý 22° 54' 27,096" vĩ độ Bắc, 106° 30' 01,450" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 778/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 779. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,095km.

Mốc giới số 779 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 596,45m, tọa độ địa lý 22° 54' 29,533" vĩ độ Bắc, 106° 30' 03,476" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 779, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 810m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 865m, đến mốc giới số 780. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,679km.

Mốc giới số 780 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 886,49m, tọa độ địa lý 22° 54' 44,857" vĩ độ Bắc, 106° 30' 01,716" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 780, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 923m, điểm có độ cao 870m (đo trên bản đồ), điểm có độ cao 913m, đến mốc giới số 781. Chiều dài đoạn biên giới này là 3,509km.

Mốc giới số 781 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 819,26m, tọa độ địa lý 22° 55' 49,558" vĩ độ Bắc, 106° 30' 17,456" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 781, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 918m, đến mốc giới số 782. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,679km.

Mốc giới số 782 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 623,74m, tọa độ địa lý 22° 56' 06,786" vĩ độ Bắc, 106° 30' 28,118" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 782, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 783. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,380km.

Mốc giới số 783 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 701,50m, tọa độ địa lý 22° 56' 17,915" vĩ độ Bắc, 106° 30' 33,667" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 783, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến điểm có độ cao 930m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 784. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,623km.

Mốc giới số 784 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Tây của sông Quây Sơn (Nan Tan He), có độ cao là 526,44m, tọa độ địa lý 22° 56' 48,508" vĩ độ Bắc, 106° 31' 04,027" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 784, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, cắt qua sông Quây Sơn (Nan Tan He), đến mốc giới số 785. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,069km.

Mốc giới số 785 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Đông của sông Quây Sơn (Nan Tan He), có độ cao là 527,35m, tọa độ địa lý 22° 56' 48,288" vĩ độ Bắc, 106° 31' 06,420" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 785, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 619m, đến điểm có độ cao 619m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 642m, đến điểm có độ cao 652m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 786. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,081km.

Mốc giới số 786 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 529,94m, tọa độ địa lý 22° 56' 48,560" vĩ độ Bắc, 106° 31' 35,019" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 786, đường biên giới theo dốc núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 670m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống

núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 630m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 787. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,102km.

Mốc giới số 787 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 521,64m, tọa độ địa lý 22° 56' 27,432" vĩ độ Bắc, 106° 31' 56,502" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 787, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 610m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 788. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,289km.

Mốc giới số 788 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 543,50m, tọa độ địa lý 22° 56' 29,524" vĩ độ Bắc, 106° 32' 00,029" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 788, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến điểm có độ cao 619m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 789. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,155km.

Mốc giới số 789 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 526,98m, tọa độ địa lý 22° 56' 33,168" vĩ độ Bắc, 106° 32' 03,312" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 789, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 789/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,063km.

Mốc giới số 789/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại bờ ruộng, có độ cao là 522,48m, tọa độ địa lý 22° 56' 31,897" vĩ độ Bắc, 106° 32' 05,064" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 789/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 789/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,035km.

Mốc giới số 789/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng bờ Tây suối, có độ cao là 522,75m, tọa độ địa lý 22° 56' 31,515" vĩ độ Bắc, 106° 32' 06,240" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 789/2, đường biên giới theo đường thẳng, dọc theo suối, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 790. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,058km.

Mốc giới số 790 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở phía Tây đường cái từ Pò Peo (Việt Nam) đi Yue Xu (Trung Quốc), có độ cao là 522,64m, tọa độ địa lý 22° 56' 29,969" vĩ độ Bắc, 106° 32' 07,390" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 790, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, cắt qua đường cái từ Pò Peo (Việt Nam) đi Yue Xu (Trung Quốc), đến mốc giới số 791. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,019km.

Mốc giới số 791 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt ở phía Đông đường cái từ Pò Peo (Việt Nam) đi Yue Xu (Trung Quốc), có độ cao là 524,39m, tọa độ địa lý 22° 56' 30,303" vĩ độ Bắc, 106° 32' 07,949" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 791, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 653m, đến điểm có độ cao 660m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 792. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,889km.

Mốc giới số 792 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 588,49m, tọa độ địa lý 22° 56' 25,433" vĩ độ Bắc, 106° 32' 29,504" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 792, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 793. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,354km.

Mốc giới số 793 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 552,02m, tọa độ địa lý 22° 56' 15,013" vĩ độ Bắc, 106° 32' 25,169" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 793, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 818m, đến điểm có độ cao 756m, sau đó theo dốc núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 794. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,133km.

Mốc giới số 794 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt tại khe núi, có độ cao là 566,49m, tọa độ địa lý 22° 55' 41,816" vĩ độ Bắc, 106° 32' 36,757" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 794, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 821m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 738m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 795. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,964km.

Mốc giới số 795 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 576,70m, tọa độ địa lý 22° 55' 30,772" vĩ độ Bắc, 106° 33' 01,784" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 795, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 762m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 796. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,050km.

Mốc giới số 796 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 592,40m, tọa độ địa lý 22° 55' 09,336" vĩ độ Bắc, 106° 34' 01,985" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 796, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 737m, điểm có độ cao 619m, đến mốc giới số 797. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,006km.

Mốc giới số 797 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, cạnh đường mòn, có độ cao là 521,33m, tọa độ địa lý 22° 55' 30,424" vĩ độ Bắc, 106° 34' 25,678" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 797, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 730m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 798. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,205km.

Mốc giới số 798 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 617,96m, tọa độ địa lý 22° 55' 37,551" vĩ độ Bắc, 106° 34' 59,179" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 798, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Bắc, đến điểm có độ cao 723m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, qua điểm có độ cao 737m, đến mốc giới số 799. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,005km.

Mốc giới số 799 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 782,30m, tọa độ địa lý 22° 55' 57,569" vĩ độ Bắc, 106° 35' 21,610" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 799, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 899m, điểm có độ cao 888m, điểm có độ cao 870m, đến mốc giới số 800. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,421km.

Mốc giới số 800 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 776,09m, tọa độ địa lý 22° 55' 46,220" vĩ độ Bắc, 106° 36' 00,134" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 800, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 868m, điểm có độ cao 882m, đến mốc giới số 801. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,186km.

Mốc giới số 801 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 715,04m, tọa độ địa lý 22° 55' 25,439" vĩ độ Bắc, 106° 36' 18,466" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 801, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 751m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 802. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,166km.

Mốc giới số 802 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 517,94m, tọa độ địa lý 22° 54' 58,921" vĩ độ Bắc, 106° 36' 33,881" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 802, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một con suối, đến điểm có độ cao 601m (tọa độ địa lý 22° 54' 55,51" vĩ độ Bắc, 106° 36' 36,51" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 665m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 803. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,079km.

Mốc giới số 803 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 701,13m, tọa độ địa lý 22° 54' 33,395" vĩ độ Bắc, 106° 36' 35,890" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 803, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 710m, cắt qua một đường đất, đến mốc giới số 804. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,182km.

Mốc giới số 804 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, phía Đông Nam một đường đất, có độ cao là 562,78m, tọa độ địa lý 22° 54' 04,700" vĩ độ Bắc, 106° 36' 55,863" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 804, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 805. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,428km.

Mốc giới số 805 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 696,96m, tọa độ địa lý 22° 53' 54,899" vĩ độ Bắc, 106° 37' 06,520" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 805, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 640m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 806. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,520km.

Mốc giới số 806 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt tại chân núi, có độ cao là 529,62m, tọa độ địa lý 22° 53' 44,415" vĩ độ Bắc, 106° 37' 20,360" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 806, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến đỉnh núi Chông Mu (Long Jiao Shan) có độ cao 625m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 807. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,546km.

Mốc giới số 807 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, phía Tây Bắc đường cái từ Việt Nam sang Trung Quốc, có độ cao là 506,45m, tọa độ địa lý 22° 53' 36,771" vĩ độ Bắc, 106° 37' 37,500" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 807, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua đường cái từ Việt Nam sang Trung Quốc, đến mốc giới số 808. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,019km.

Mốc giới số 808 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, phía Đông Nam đường cái từ Việt Nam sang Trung Quốc, có độ cao là 512,59m, tọa độ địa lý 22° 53' 36,328" vĩ độ Bắc, 106° 37' 37,967" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 808, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 721m, đến mốc giới số 809. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,502km.

Mốc giới số 809 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 616,69m, tọa độ địa lý 22° 53' 27,070" vĩ độ Bắc, 106° 37' 49,385" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 809, đường biên giới theo dốc núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 779m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 870m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 810. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,819km.

Mốc giới số 810 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 762,84m, tọa độ địa lý 22° 53' 09,442" vĩ độ Bắc, 106° 37' 55,716" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 810, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 870m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 755m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 811. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,476km.

Mốc giới số 811 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 842,45m, tọa độ địa lý 22° 53' 15,308" vĩ độ Bắc, 106° 38' 07,534" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 811, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 790m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 843m, rồi theo dốc núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 812. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,026km.

Mốc giới số 812 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên dốc núi, có độ cao là 583,58m, tọa độ địa lý 22° 52' 48,874" vĩ độ Bắc, 106° 38' 23,288" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 812, đường biên giới theo dốc núi, chuyển theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 832m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 813. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,705km.

Mốc giới số 813 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 640,28m, tọa độ địa lý 22° 52' 32,238" vĩ độ Bắc, 106° 38' 17,278" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 813, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 802m, đến mốc giới số 814. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,694km.

Mốc giới số 814 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 600,62m, tọa độ địa lý 22° 52' 29,016" vĩ độ Bắc, 106° 38' 39,247" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 814, đường biên giới theo dốc núi, chuyển theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 815. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,902km.

Mốc giới số 815 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 650,92m, tọa độ địa lý 22° 52' 05,669" vĩ độ Bắc, 106° 38' 52,344" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 815, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 752m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 816. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,377km.

Mốc giới số 816 là mốc đơn, loại trung, làm bằng bê tông, đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 521,57m, tọa độ địa lý 22° 52' 12,740" vĩ độ Bắc, 106° 39' 27,510" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 816, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 618m, đến mốc giới số 817. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,549km.

Mốc giới số 817 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 528,90m, tọa độ địa lý 22° 52' 19,983" vĩ độ Bắc, 106° 39' 41,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 817, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 692m, đến mốc giới số 818. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,186km.

Mốc giới số 818 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 592,54m, tọa độ địa lý 22° 52' 45,989" vĩ độ Bắc, 106° 39' 58,202" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 818, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 710m, sau đó theo đường thẳng, hướng Bắc,

cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 819. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,576km.

Mốc giới số 819 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 484,12m, tọa độ địa lý 22° 53' 00,728" vĩ độ Bắc, 106° 40' 01,600" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 819, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, qua điểm có độ cao 670m, đến mốc giới số 820. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,914km.

Mốc giới số 820 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 448,00m, tọa độ địa lý 22° 53' 26,188" vĩ độ Bắc, 106° 40' 01,439" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 820, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 820/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,105km.

Mốc giới số 820/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 462,95m, tọa độ địa lý 22° 53' 28,686" vĩ độ Bắc, 106° 40' 03,934" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 820/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 820/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,104km.

Mốc giới số 820/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 500,57m, tọa độ địa lý 22° 53' 31,165" vĩ độ Bắc, 106° 40' 06,403" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 820/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc 146m, đến điểm có độ cao 630m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 821. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,323km.

Mốc giới số 821 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 589,18m, tọa độ địa lý 22° 53' 24,584" vĩ độ Bắc, 106° 40' 39,787" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 821, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 722m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 821/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,679km.

Mốc giới số 821/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 645,78m, tọa độ địa lý 22° 53' 11,930" vĩ độ Bắc, 106° 40' 49,044" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 821/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 821/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,077km.

Mốc giới số 821/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 575,77m, tọa độ địa lý 22° 53' 14,018" vĩ độ Bắc, 106° 40' 50,487" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 821/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 822. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,219km.

Mốc giới số 822 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 568,78m, tọa độ địa lý 22° 53' 17,736" vĩ độ Bắc, 106° 40' 56,463" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 822, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 724m, đến mốc giới số 823. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,842km.

Mốc giới số 823 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 613,16m, tọa độ địa lý 22° 53' 26,637" vĩ độ Bắc, 106° 41' 17,133" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 823, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 823/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,415km.

Mốc giới số 823/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 821,60m, tọa độ địa lý 22° 53' 30,259" vĩ độ Bắc, 106° 41' 30,014" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 823/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 823/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,140km.

Mốc giới số 823/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 682,73m, tọa độ địa lý 22° 53' 28,311" vĩ độ Bắc, 106° 41' 34,444" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 823/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 784m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 824. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,252km.

Mốc giới số 824 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt tại khe núi, có độ cao là 672,89m, tọa độ địa lý 22° 53' 26,745" vĩ độ Bắc, 106° 41' 42,854" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 824, đường biên giới theo dốc núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 796m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 825. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,571km.

Mốc giới số 825 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 689,57m, tọa độ địa lý 22° 53' 18,979" vĩ độ Bắc, 106° 42' 00,140" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 825, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 825/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,642km.

Mốc giới số 825/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 755,51m, tọa độ địa lý 22° 53' 19,201" vĩ độ Bắc, 106° 42' 18,537" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 825/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 858m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 825/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,403km.

Mốc giới số 825/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 631,92m, tọa độ địa lý 22° 53' 09,886" vĩ độ Bắc, 106° 42' 26,468" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 825/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 746m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 826. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,324km.

Mốc giới số 826 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 606,78m, tọa độ địa lý 22° 53' 01,378" vĩ độ Bắc, 106° 42' 31,417" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 826, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 748m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 826/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,375km.

Mốc giới số 826/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 698,67m, tọa độ địa lý 22° 52' 51,854" vĩ độ Bắc, 106° 42' 38,537" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 826/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 826/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,057km.

Mốc giới số 826/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên dốc núi, có độ cao là 655,33m, tọa độ địa lý 22° 52' 50,426" vĩ độ Bắc, 106° 42' 39,831" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 826/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 827. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,069km.

Mốc giới số 827 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 639,14m, tọa độ địa lý 22° 52' 48,699" vĩ độ Bắc, 106° 42' 41,401" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 827, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 827/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,274km.

Mốc giới số 827/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 638,58m, tọa độ địa lý 22° 52' 43,475" vĩ độ Bắc, 106° 42' 46,191" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 827/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 698m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 656m (tọa độ địa lý 22° 52' 43,28" vĩ độ Bắc, 106° 43' 01,14" kinh độ Đông), rồi theo đường thẳng, hướng Nam 55m, đến mốc giới số 827/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,510km.

Mốc giới số 827/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt tại chân núi, có độ cao là 576,39m, tọa độ địa lý 22° 52' 41,477" vĩ độ Bắc, 106° 43' 01,128" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 827/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 828. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,042km.

Mốc giới số 828 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 567,41m, tọa độ địa lý 22° 52' 40,127" vĩ độ Bắc, 106° 43' 00,923" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 828, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 828/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,028km.

Mốc giới số 828/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 573,80m, tọa độ địa lý 22° 52' 39,381" vĩ độ Bắc, 106° 43' 01,472" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 828/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 727m (tọa độ địa lý 22° 52' 36,05" vĩ độ Bắc, 106° 43' 04,23" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 828/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,385km.

Mốc giới số 828/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 695,19m, tọa độ địa lý 22° 52' 30,687" vĩ độ Bắc, 106° 42' 59,536" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 828/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 768m, đến mốc giới số 829. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,303km.

Mốc giới số 829 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 640,69m, tọa độ địa lý 22° 52' 21,452" vĩ độ Bắc, 106° 42' 59,684" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 829, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 814m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến điểm có độ cao 810m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 830. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,762km.

Mốc giới số 830 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt tại khe núi, có độ cao là 595,03m, tọa độ địa lý 22° 52' 12,582" vĩ độ Bắc, 106° 42' 40,491" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 830, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 830/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,197km.

Mốc giới số 830/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 683,78m, tọa độ địa lý 22° 52' 09,236" vĩ độ Bắc, 106° 42' 34,621" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 830/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 830/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,222km.

Mốc giới số 830/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 502,48m, tọa độ địa lý 22° 52' 07,237" vĩ độ Bắc, 106° 42' 27,155" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 830/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 831. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,117km.

Mốc giới số 831 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 411,59m, tọa độ địa lý 22° 52' 06,088" vĩ độ Bắc, 106° 42' 23,227" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 831, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 831/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,063km.

Mốc giới số 831/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 411,48m, tọa độ địa lý 22° 52' 04,382" vĩ độ Bắc, 106° 42' 24,457" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 831/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 831/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,078km.

Mốc giới số 831/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 417,27m, tọa độ địa lý 22° 52' 02,435" vĩ độ Bắc, 106° 42' 26,228" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 831/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 831/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,123km.

Mốc giới số 831/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 416,99m, tọa độ địa lý 22° 51' 59,622" vĩ độ Bắc, 106° 42' 29,307" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 831/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 831/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,127km.

Mốc giới số 831/4 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 408,50m, tọa độ địa lý 22° 51' 56,566" vĩ độ Bắc, 106° 42' 32,285" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 831/4, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 831/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,106km.

Mốc giới số 831/5 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 408,71m, tọa độ địa lý 22° 51' 53,850" vĩ độ Bắc, 106° 42' 34,552" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 831/5, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 832. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,053km.

Mốc giới số 832 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 408,24m, tọa độ địa lý 22° 51' 52,766" vĩ độ Bắc, 106° 42' 35,993" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 832, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 832/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,177km.

Mốc giới số 832/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 408,17m, tọa độ địa lý 22° 51' 50,097" vĩ độ Bắc, 106° 42' 41,493" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 832/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 832/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,131km.

Mốc giới số 832/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 421,16m, tọa độ địa lý 22° 51' 50,437" vĩ độ Bắc, 106° 42' 46,079" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 832/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 832/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,015km.

Mốc giới số 832/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 418,90m, tọa độ địa lý 22° 51' 50,151" vĩ độ Bắc, 106° 42' 46,522" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 832/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 832/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,054km.

Mốc giới số 832/4 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 408,95m, tọa độ địa lý 22° 51' 48,415" vĩ độ Bắc, 106° 42' 46,748" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 832/4, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 832/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,039km.

Mốc giới số 832/5 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 408,82m, tọa độ địa lý 22° 51' 47,606" vĩ độ Bắc, 106° 42' 47,784" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 832/5, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 833. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,054km.

Mốc giới số 833 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 407,60m, tọa độ địa lý 22° 51' 46,926" vĩ độ Bắc, 106° 42' 49,533" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 833, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 833/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,145km.

Mốc giới số 833/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 422,60m, tọa độ địa lý 22° 51' 47,336" vĩ độ Bắc, 106° 42' 54,614" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 833/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 833/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,091km.

Mốc giới số 833/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 411,15m, tọa độ địa lý 22° 51' 44,610" vĩ độ Bắc, 106° 42' 55,857" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 833/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 833/3. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,097km.

Mốc giới số 833/3 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 409,13m, tọa độ địa lý 22° 51' 41,708" vĩ độ Bắc, 106° 42' 57,154" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 833/3, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 833/4. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,072km.

Mốc giới số 833/4 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 406,39m, tọa độ địa lý 22° 51' 39,470" vĩ độ Bắc, 106° 42' 57,927" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 833/4, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 833/5. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,057km.

Mốc giới số 833/5 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 407,31m, tọa độ địa lý 22° 51' 38,567" vĩ độ Bắc, 106° 42' 59,660" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 833/5, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 834. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,091km.

Mốc giới số 834 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 406,42m, tọa độ địa lý 22° 51' 36,413" vĩ độ Bắc, 106° 43' 01,836" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 834, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 834/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,191km.

Mốc giới số 834/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 404,70m, tọa độ địa lý 22° 51' 32,714" vĩ độ Bắc, 106° 43' 07,195" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 834/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, cắt qua một đường cái, đến mốc giới số 835. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,239km.

Mốc giới số 835 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 403,46m, tọa độ địa lý 22° 51' 25,880" vĩ độ Bắc, 106° 43' 11,191" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 835, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 835/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,033km.

Mốc giới số 835/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Bắc sông Quây Sơn (Gui Chun He), có độ cao là 404,40m, tọa độ địa lý 22° 51' 24,920" vĩ độ Bắc, 106° 43' 11,730" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 835/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, cắt qua một nhánh của sông Quây Sơn (Gui Chun He), đến mốc giới số 835/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,119km.

Mốc giới số 835/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn Pò Thoong, có độ cao là 404,18m, tọa độ địa lý 22° 51' 23,982" vĩ độ Bắc, 106° 43' 15,771" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 835/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam 63m, đến điểm có độ cao 402m (tọa độ địa lý 22° 51' 22,67" vĩ độ Bắc, 106° 43' 17,45" kinh độ Đông), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến giao điểm giữa đường thẳng này với trung tuyến thác chính, rồi xuôi theo trung tuyến thác chính, hướng chung Đông - Đông Nam, đến giao điểm giữa trung tuyến thác chính với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây

Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 836, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 836(1) và cột mốc số 836(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Chiều dài đoạn biên giới này là 0,333km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,271km.

Mốc giới số 836 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 836(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 358,35m, tọa độ địa lý 22° 51' 22,019" vĩ độ Bắc, 106° 43' 27,720" kinh độ Đông; cột mốc số 836(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 355,30m, tọa độ địa lý 22° 51' 17,103" vĩ độ Bắc, 106° 43' 24,797" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 836(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 836(2) là 89,58m. Khoảng cách từ cột mốc số 836(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 836(1) là 83,19m.

Từ mốc giới số 836, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 837, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 837(1) và cột mốc số 837(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,891km.

Mốc giới số 837 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 837(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 362,39m, tọa độ địa lý 22° 51' 03,182" vĩ độ Bắc, 106° 43' 51,413" kinh độ Đông; cột mốc số 837(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 360,90m, tọa độ địa lý 22° 51' 00,920" vĩ độ Bắc, 106° 43' 50,019" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 837(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 837(2) là 45,46m. Khoảng cách từ cột mốc số 837(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 837(1) là 34,72m.

Từ mốc giới số 837, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 837/1, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 837/1(1) và cột mốc số 837/1(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,936km.

Mốc giới số 837/1 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 837/1(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 357,86m, tọa độ

địa lý 22° 50' 25,168" vĩ độ Bắc, 106° 44' 36,706" kinh độ Đông; cột mốc số 837/1(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 352,04m, tọa độ địa lý 22° 50' 23,176" vĩ độ Bắc, 106° 44' 33,369" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 837/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 837/1(2) là 57,71m. Khoảng cách từ cột mốc số 837/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 837/1(1) là 55,51m.

Từ mốc giới số 837/1, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 838, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 838(1) và cột mốc số 838(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,440km.

Trong đoạn sông biên giới này có 1 cồn, cồn số hiệu 1 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 838 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 838(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 357,56m, tọa độ địa lý 22° 50' 19,788" vĩ độ Bắc, 106° 44' 49,221" kinh độ Đông; cột mốc số 838(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 356,18m, tọa độ địa lý 22° 50' 14,968" vĩ độ Bắc, 106° 44' 47,182" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 838(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 838(2) là 81,37m. Khoảng cách từ cột mốc số 838(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 838(1) là 77,97m.

Từ mốc giới số 838, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 839, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 839(1) và cột mốc số 839(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,798km.

Trong đoạn sông biên giới này có 7 cồn, trong đó cồn số hiệu 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 đều quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 839 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 839(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 353,48m, tọa độ địa lý 22° 49' 49,983" vĩ độ Bắc, 106° 45' 35,824" kinh độ Đông; cột mốc số 839(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn

(Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 349,68m, tọa độ địa lý 22° 49' 47,349" vĩ độ Bắc, 106° 45' 34,485" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 839(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 839(2) là 38,92m. Khoảng cách từ cột mốc số 839(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 839(1) là 50,71m.

Từ mốc giới số 839, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, cắt qua điểm giữa đập Ái Cảnh (Ai Tun Shui Ba), đến mốc giới số 840, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 840(1) và cột mốc số 840(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,048km.

Mốc giới số 840 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 840(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 345,62m, tọa độ địa lý 22° 49' 35,976" vĩ độ Bắc, 106° 46' 09,868" kinh độ Đông; cột mốc số 840(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 350,55m, tọa độ địa lý 22° 49' 35,423" vĩ độ Bắc, 106° 46' 06,561" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 840(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 840(2) là 42,63m. Khoảng cách từ cột mốc số 840(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 840(1) là 53,23m.

Từ mốc giới số 840, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 841, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 841(1) và cột mốc số 841(2) với trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,871km.

Trong đoạn sông biên giới này có 2 cồn, trong đó cồn Cọn Cốc số hiệu 9, cồn Pò Đon số hiệu 10 đều quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 841 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 841(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 343,29m, tọa độ địa lý 22° 48' 40,940" vĩ độ Bắc, 106° 45' 56,593" kinh độ Đông; cột mốc số 841(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn Cọn Cốc số hiệu 9, sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 342,64m, tọa độ địa lý 22° 48' 39,186" vĩ độ Bắc, 106° 45' 56,169" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 841(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 841(2) là 30,32m. Khoảng cách từ cột mốc số 841(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 841(1) là 25,02m.

Từ mốc giới số 841, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 842, tức là giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He) với trung tuyến dòng chảy của nhánh của nó. Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,563km.

Trong đoạn sông biên giới này có 4 cồn, trong đó cồn Luồng Xá số hiệu 11, cồn số hiệu 12, 13 quy thuộc Việt Nam, cồn Pu Da Dao số hiệu 14 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 842 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 842(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi phân dòng của sông Quây Sơn (Gui Chun He) và nhánh của nó, có độ cao là 339,90m, tọa độ địa lý 22° 48' 56,493" vĩ độ Bắc, 106° 46' 37,567" kinh độ Đông; cột mốc số 842(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi phân dòng của sông Quây Sơn (Gui Chun He) và nhánh của nó, có độ cao là 337,53m, tọa độ địa lý 22° 49' 00,818" vĩ độ Bắc, 106° 46' 35,606" kinh độ Đông; cột mốc số 842(3) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi phân dòng của sông Quây Sơn (Gui Chun He) và nhánh của nó, có độ cao là 337,05m, tọa độ địa lý 22° 49' 00,835" vĩ độ Bắc, 106° 46' 37,790" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 842(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 842(2) là 85,03m; khoảng cách từ cột mốc số 842(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 842(1) là 59,34m; khoảng cách từ cột mốc số 842(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 842(3) là 77,69m; khoảng cách từ cột mốc số 842(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 842(1) là 56,09m; khoảng cách giữa cột mốc số 842(2) và cột mốc số 842(3) là 62,28m.

Khoảng cách từ cột mốc số 842(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He) và trung tuyến dòng chảy nhánh của nó là 76,40m; khoảng cách từ cột mốc số 842(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He) và trung tuyến dòng chảy nhánh của nó là 68,00m; khoảng cách từ cột mốc số 842(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He) và trung tuyến dòng chảy nhánh của nó là 72,20m.

Từ mốc giới số 842, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung là

hướng Đông, đến mốc giới số 842/1, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 842/1(1) và cột mốc số 842/1(2) với trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,593km.

Trong đoạn sông biên giới này có 4 cồn, trong đó cồn Pò Mào số hiệu 15, cồn số hiệu 16, cồn số hiệu 17, cồn số hiệu 18 đều quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 842/1 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 842/1(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 335,57m, tọa độ địa lý 22° 48' 57,423" vĩ độ Bắc, 106° 46' 53,398" kinh độ Đông; cột mốc số 842/1(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn số hiệu 18 sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 335,75m, tọa độ địa lý 22° 48' 54,190" vĩ độ Bắc, 106° 46' 52,503" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 842/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 842/1(2) là 50,62m. Khoảng cách từ cột mốc số 842/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 842/1(1) là 52,12m.

Từ mốc giới số 842/1, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 843, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 843(1) và cột mốc số 843(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,152km.

Mốc giới số 843 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 843(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 332,96m, tọa độ địa lý 22° 48' 56,736" vĩ độ Bắc, 106° 46' 59,555" kinh độ Đông; cột mốc số 843(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 334,52m, tọa độ địa lý 22° 48' 49,177" vĩ độ Bắc, 106° 46' 55,079" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 843(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843(2) là 102,55m. Khoảng cách từ cột mốc số 843(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843(1) là 162,84m.

Từ mốc giới số 843, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 843/1, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 843/1(1) và cột mốc số 843/1(2) với trung tuyến dòng chảy chính sông

Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,118km.

Trong đoạn sông biên giới này có 1 cồn, cồn số hiệu 19 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 843/1 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 843/1(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn số hiệu 19 sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 330,95m, tọa độ địa lý 22° 48' 54,260" vĩ độ Bắc, 106° 47' 01,341" kinh độ Đông; cột mốc số 843/1(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn Pò Thoong số hiệu 21 sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 330,60m, tọa độ địa lý 22° 48' 51,319" vĩ độ Bắc, 106° 47' 01,629" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 843/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843/1(2) là 45,99m. Khoảng cách từ cột mốc số 843/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843/1(1) là 44,89m.

Từ mốc giới số 843/1, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 843/2, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 843/2(1) và cột mốc số 843/2(2) với trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,185km.

Trong đoạn sông biên giới này có 3 cồn, trong đó cồn số hiệu 20, 22 quy thuộc Trung Quốc, cồn Pò Thoong số hiệu 21 quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 843/2 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 843/2(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn số hiệu 22 sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 328,47m, tọa độ địa lý 22° 48' 51,974" vĩ độ Bắc, 106° 47' 06,937" kinh độ Đông; cột mốc số 843/2(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn Pò Thoong số hiệu 21 sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 329,30m, tọa độ địa lý 22° 48' 49,034" vĩ độ Bắc, 106° 47' 07,738" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 843/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843/2(2) là 41,72m. Khoảng cách từ cột mốc số 843/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843/2(1) là 51,61m.

Từ mốc giới số 843/2, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 843/3, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 843/3(1) và cột mốc số 843/3(2) với trung tuyến dòng chảy sông

Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,358km.

Trong đoạn sông biên giới này có 2 cồn, trong đó cồn số hiệu 23, 24 đều quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 843/3 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 843/3(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 328,40m, tọa độ địa lý 22° 48' 58,134" vĩ độ Bắc, 106° 47' 17,966" kinh độ Đông; cột mốc số 843/3(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 322,18m, tọa độ địa lý 22° 48' 52,094" vĩ độ Bắc, 106° 47' 18,682" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 843/3(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843/3(2) là 92,30m. Khoảng cách từ cột mốc số 843/3(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 843/3(1) là 94,71m.

Từ mốc giới số 843/3, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 844, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 844(1) và cột mốc số 844(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,324km.

Mốc giới số 844 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 844(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 336,88m, tọa độ địa lý 22° 48' 58,952" vĩ độ Bắc, 106° 47' 30,022" kinh độ Đông; cột mốc số 844(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 330,23m, tọa độ địa lý 22° 48' 49,791" vĩ độ Bắc, 106° 47' 28,639" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 844(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 844(2) là 118,55m. Khoảng cách từ cột mốc số 844(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 844(1) là 166,14m.

Từ mốc giới số 844, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 844/1, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 844/1(1) và cột mốc số 844/1(2) với trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,284km.

Trong đoạn sông biên giới này có 3 cồn, trong đó cồn số hiệu 25, 26, 27 đều quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 844/1 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 844/1(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên cồn số hiệu 26, sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 304,98m, tọa độ địa lý 22° 48' 58,462" vĩ độ Bắc, 106° 47' 37,807" kinh độ Đông; cột mốc số 844/1(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 304,58m, tọa độ địa lý 22° 48' 49,212" vĩ độ Bắc, 106° 47' 40,229" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 844/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 844/1(2) là 122,42m. Khoảng cách từ cột mốc số 844/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 844/1(1) là 170,52m.

Từ mốc giới số 844/1, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 844/2, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 844/2(1) và cột mốc số 844/2(2) với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,241km.

Trong đoạn sông biên giới này có 5 cồn, trong đó cồn số hiệu 28, 32 quy thuộc Việt Nam, cồn số hiệu 29, 30, 31 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 844/2 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 844/2(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 295,50m, tọa độ địa lý 22° 49' 17,137" vĩ độ Bắc, 106° 48' 09,466" kinh độ Đông; cột mốc số 844/2(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 291,44m, tọa độ địa lý 22° 49' 07,137" vĩ độ Bắc, 106° 48' 15,353" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 844/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 844/2(2) là 200,39m. Khoảng cách từ cột mốc số 844/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 844/2(1) là 150,20m.

Từ mốc giới số 844/2, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Bắc, cắt qua đập nước, đến mốc giới số 845, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 845(1) và cột mốc số 845(2) với trung tuyến dòng

chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,409km.

Trong đoạn sông biên giới này có 1 cồn, cồn số hiệu 33 quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 845 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 845(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 279,41m, tọa độ địa lý 22° 49' 16,984" vĩ độ Bắc, 106° 48' 25,211" kinh độ Đông; cột mốc số 845(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 278,13m, tọa độ địa lý 22° 49' 14,279" vĩ độ Bắc, 106° 48' 25,664" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc 845(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 845(2) là 35,57m. Khoảng cách từ cột mốc số 845(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 845(1) là 48,66m.

Từ mốc giới số 845, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 845/1, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 845/1(1) và cột mốc số 845/1(2) với trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,093km.

Trong đoạn sông biên giới này có 1 cồn, cồn số hiệu 34 quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 845/1 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 845/1(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 279,30m, tọa độ địa lý 22° 49' 13,738" vĩ độ Bắc, 106° 49' 02,774" kinh độ Đông; cột mốc số 845/1(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 277,80m, tọa độ địa lý 22° 49' 10,761" vĩ độ Bắc, 106° 49' 03,173" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 845/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 845/1(2) là 53,29m. Khoảng cách từ cột mốc số 845/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 845/1(1) là 39,06m.

Từ mốc giới số 845/1, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 845/2, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 845/2(1) và cột mốc số 845/2(2) với trung tuyến dòng chảy sông

Quây Sơn (Gui Chun He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,326km.

Trong đoạn sông biên giới này có 2 cồn, trong đó cồn số hiệu 35 quy thuộc Trung Quốc, cồn số hiệu 36 quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 845/2 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 845/2(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Trung Quốc, có độ cao là 277,71m, tọa độ địa lý 22° 49' 08,471" vĩ độ Bắc, 106° 49' 12,678" kinh độ Đông; cột mốc số 845/2(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Quây Sơn (Gui Chun He) phía Việt Nam, có độ cao là 275,90m, tọa độ địa lý 22° 49' 04,693" vĩ độ Bắc, 106° 49' 11,247" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 845/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 845/2(2) là 62,98m. Khoảng cách từ cột mốc số 845/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 845/2(1) là 60,27m.

Từ mốc giới số 845/2, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), hướng chung Đông - Đông Nam, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He) và đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy sông Quây Sơn (Gui Chun He), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng này, hướng Tây Nam 29m, đến mốc giới số 846. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,299km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,270km.

Mốc giới số 846 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Nam sông Quây Sơn (Gui Chun He), phía Bắc đường cái từ Lý Vạn (Việt Nam) đi Shuo Long (Trung Quốc), có độ cao là 275,81m, tọa độ địa lý 22° 49' 01,534" vĩ độ Bắc, 106° 49' 19,200" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 846, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua đường cái từ Lý Vạn (Việt Nam) đi Shuo Long (Trung Quốc), đến mốc giới số 847. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,037km.

Mốc giới số 847 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Nam đường cái từ Lý Vạn (Việt Nam) đi Shuo Long (Trung Quốc), có độ cao là 279,30m, tọa độ địa lý 22° 49' 00,577" vĩ độ Bắc, 106° 49' 18,414" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 847, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam 78m, đến điểm có độ cao 350m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 847/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,128km.

Mốc giới số 847/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 316,75m, tọa độ địa lý 22° 48' 58,145" vĩ độ Bắc, 106° 49' 18,284" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 847/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 847/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,590km.

Mốc giới số 847/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 340,45m, tọa độ địa lý 22° 48' 47,142" vĩ độ Bắc, 106° 49' 28,732" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 847/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, qua điểm có độ cao 412m, đến mốc giới số 848. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,376km.

Mốc giới số 848 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 346,44m, tọa độ địa lý 22° 48' 47,810" vĩ độ Bắc, 106° 49' 40,308" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 848, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 351m (tọa độ địa lý 22° 48' 40,98" vĩ độ Bắc, 106° 49' 40,34" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 528m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 849. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,968km.

Mốc giới số 849 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 403,79m, tọa độ địa lý 22° 48' 27,601" vĩ độ Bắc, 106° 49' 56,851" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 849, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 586m, điểm có độ cao 628m, đến điểm có độ cao 610m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 850. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,043km.

Mốc giới số 850 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 453,33m, tọa độ địa lý 22° 48' 08,638" vĩ độ Bắc, 106° 50' 10,175" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 850, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, qua điểm có độ cao 644m, đến điểm có độ cao 480m (tọa độ địa lý 22° 47' 50,68" vĩ độ Bắc, 106° 49' 53,71" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 851. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,475km.

Mốc giới số 851 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 457,65m, tọa độ địa lý 22° 47' 38,373" vĩ độ Bắc, 106° 49' 46,337" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 851, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 570m (tọa độ địa lý 22° 47' 25,31" vĩ độ Bắc, 106° 49' 31,95" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây Nam 240m, đến mốc giới số 852. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,912km.

Mốc giới số 852 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên sống núi, có độ cao là 599,00m, tọa độ địa lý 22° 47' 20,582" vĩ độ Bắc, 106° 49' 25,252" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 852, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 853. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,277km.

Mốc giới số 853 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 296,67m, tọa độ địa lý 22° 47' 11,588" vĩ độ Bắc, 106° 49' 25,647" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 853, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 854. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,041km.

Mốc giới số 854 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 294,63m, tọa độ địa lý 22° 47' 11,393" vĩ độ Bắc, 106° 49' 24,234" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 854, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, cắt qua một đường đất, sau đó cắt qua một con suối, đến mốc giới số 855. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,190km.

Mốc giới số 855 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 294,72m, tọa độ địa lý 22° 47' 05,956" vĩ độ Bắc, 106° 49' 21,086" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 855, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 494m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 856. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,301km.

Mốc giới số 856 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 368,64m, tọa độ địa lý 22° 46' 57,076" vĩ độ Bắc, 106° 49' 19,210" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 856, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 555m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 857. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,662km.

Mốc giới số 857 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 378,28m, tọa độ địa lý 22° 46' 39,976" vĩ độ Bắc, 106° 49' 22,053" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 857, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 557m, đến mốc giới số 858. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,630km.

Mốc giới số 858 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 387,48m, tọa độ địa lý 22° 46' 16,785" vĩ độ Bắc, 106° 48' 40,435" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 858, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 858/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,146km.

Mốc giới số 858/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 385,99m, tọa độ địa lý 22° 46' 15,565" vĩ độ Bắc, 106° 48' 37,340" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 858/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 858/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,152km.

Mốc giới số 858/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 431,99m, tọa độ địa lý 22° 46' 11,557" vĩ độ Bắc, 106° 48' 34,390" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 858/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 859. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,294km.

Mốc giới số 859 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 306,52m, tọa độ địa lý 22° 46' 09,126" vĩ độ Bắc, 106° 48' 24,439" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 859, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 559m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 859/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,776km.

Mốc giới số 859/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 340,62m, tọa độ địa lý 22° 46' 07,638" vĩ độ Bắc, 106° 48' 02,104" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 859/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Bắc, đến điểm có độ cao 390m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây, đến điểm có độ cao 505m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 860. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,589km.

Mốc giới số 860 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 315,03m, tọa độ địa lý 22° 46' 14,333" vĩ độ Bắc, 106° 47' 44,048" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 860, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 861. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,305km.

Mốc giới số 861 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 609,79m, tọa độ địa lý 22° 46' 08,406" vĩ độ Bắc, 106° 47' 35,477" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 861, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 398m (tọa độ địa lý 22° 46' 02,98" vĩ độ Bắc, 106° 47' 38,23" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 862. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,238km.

Mốc giới số 862 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 365,09m, tọa độ địa lý 22° 46' 01,275" vĩ độ Bắc, 106° 47' 38,244" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 862, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 863. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,584km.

Mốc giới số 863 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 323,50m, tọa độ địa lý 22° 45' 56,282" vĩ độ Bắc, 106° 47' 28,003" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 863, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 601m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 599m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 864. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,994km.

Mốc giới số 864 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 477,82m, tọa độ địa lý 22° 45' 53,283" vĩ độ Bắc, 106° 47' 07,862" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 864, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 591m, đến mốc giới số 865. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,627km.

Mốc giới số 865 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 352,19m, tọa độ địa lý 22° 45' 39,958" vĩ độ Bắc, 106° 47' 21,894" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 865, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 485m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 865/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,248km.

Mốc giới số 865/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 380,63m, tọa độ địa lý 22° 45' 34,402" vĩ độ Bắc, 106° 47' 22,056" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 865/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 555m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 865/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,351km.

Mốc giới số 865/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 418,31m, tọa độ địa lý 22° 45' 26,981" vĩ độ Bắc, 106° 47' 17,551" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 865/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 545m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 866. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,324km.

Mốc giới số 866 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 508,67m, tọa độ địa lý 22° 45' 17,280" vĩ độ Bắc, 106° 47' 16,740" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 866, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 599m, đến mốc giới số 867. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,682km.

Mốc giới số 867 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 450,05m, tọa độ địa lý 22° 45' 10,557" vĩ độ Bắc, 106° 47' 00,068" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 867, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, qua điểm có độ cao 611m, điểm có độ cao 639m, đến mốc giới số 868. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,282km.

Mốc giới số 868 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 402,34m, tọa độ địa lý 22° 44' 47,490" vĩ độ Bắc, 106° 46' 35,937" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 868, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 869. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,747km.

Mốc giới số 869 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 461,43m, tọa độ địa lý 22° 44' 41,869" vĩ độ Bắc, 106° 46' 15,424" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 869, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 662m, đến mốc giới số 870. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,783km.

Mốc giới số 870 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 533,71m, tọa độ địa lý 22° 44' 30,715" vĩ độ Bắc, 106° 45' 55,518" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 870, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 639m, điểm có độ cao 705m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 871. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,314km.

Mốc giới số 871 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 458,71m, tọa độ địa lý 22° 44' 04,875" vĩ độ Bắc, 106° 45' 57,087" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 871, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến điểm có độ cao 650m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến điểm có độ cao 679m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 872. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,750km.

Mốc giới số 872 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 522,48m, tọa độ địa lý 22° 43' 50,875" vĩ độ Bắc, 106° 45' 39,120" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 872, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 873. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,428km.

Mốc giới số 873 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 555,62m, tọa độ địa lý 22° 43' 14,459" vĩ độ Bắc, 106° 45' 53,052" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 873, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 738m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 874. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,117km.

Mốc giới số 874 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 434,86m, tọa độ địa lý 22° 42' 57,075" vĩ độ Bắc, 106° 46' 13,183" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 874, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 875. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,499km.

Mốc giới số 875 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 477,66m, tọa độ địa lý 22° 42' 45,930" vĩ độ Bắc, 106° 46' 23,642" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 875, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 610m, đến mốc giới số 876. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,718km.

Mốc giới số 876 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 433,88m, tọa độ địa lý 22° 42' 35,034" vĩ độ Bắc, 106° 46' 44,634" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 876, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 570m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 400m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến điểm đoạn suối ngầm chảy ra khỏi lòng đất, từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối không tên, hướng chung Tây Nam 100m, đến giao điểm giữa đường kéo dài nối liền từ điểm có độ cao 530m và mốc giới số 877 với trung tuyến dòng chảy suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, rồi theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 877. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,485km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,100km.

Mốc giới số 877 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ, có độ cao là 340,79m, tọa độ địa lý 22° 42' 24,726" vĩ độ Bắc, 106° 46' 38,137" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 877, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 530m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 611m, đến điểm có độ cao 606m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 878. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,789km.

Mốc giới số 878 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 392,65m, tọa độ địa lý 22° 42' 08,631" vĩ độ Bắc, 106° 46' 02,314" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 878, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 878/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,132km.

Mốc giới số 878/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, cạnh đường mòn, có độ cao là 345,74m, tọa độ địa lý 22° 42' 07,107" vĩ độ Bắc, 106° 45' 57,982" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 878/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 878/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,135km.

Mốc giới số 878/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, dưới chân núi, có độ cao là 344,47m, tọa độ địa lý 22° 42' 03,062" vĩ độ Bắc, 106° 45' 56,137" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 878/2, đường biên giới theo đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy suối không tên, hướng Nam 15m, đến giao điểm của đường thẳng này với trung tuyến dòng chảy suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối không tên, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 879, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 879(1) và cột mốc số 879(2) với trung tuyến dòng chảy suối không tên. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,050km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,035km.

Mốc giới số 879 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 879(1) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối không tên phía Trung Quốc, có độ cao là 344,73m, tọa độ địa lý 22° 42' 03,013" vĩ độ Bắc, 106° 45' 54,597" kinh độ Đông; cột mốc số 879(2) là mốc loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ suối không tên phía Việt Nam, có độ cao là 344,65m, tọa độ địa lý 22° 42' 03,503" vĩ độ Bắc, 106° 45' 55,241" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 879(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 879(2) là 11,57m. Khoảng cách từ cột mốc số 879(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 879(1) là 12,19m.

Từ mốc giới số 879, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính suối không tên, hướng chung Tây - Tây Nam, đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy suối không tên và đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng này, hướng Tây - Tây Nam 20m, đến mốc giới số 880. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,338km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,318km.

Trong đoạn sông biên giới này có 1 cồn, cồn số hiệu 1 quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 880 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 345,10m, tọa độ địa lý 22° 41' 59,098" vĩ độ Bắc, 106° 45' 46,000" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 880, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 881. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,070km.

Mốc giới số 881 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 345,58m, tọa độ địa lý 22° 41' 57,448" vĩ độ Bắc, 106° 45' 44,330" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 881, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 882. Chiều dài đoạn biên giới này 0,131km.

Mốc giới số 882 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 349,97m, tọa độ địa lý 22° 41' 54,351" vĩ độ Bắc, 106° 45' 41,180" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 882, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 882/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,178km.

Mốc giới số 882/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 388,50m, tọa độ địa lý 22° 41' 52,523" vĩ độ Bắc, 106° 45' 35,247" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 882/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 882/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,034km.

Mốc giới số 882/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 391,49m, tọa độ địa lý 22° 41' 51,961" vĩ độ Bắc, 106° 45' 34,237" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 882/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 883. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,287km.

Mốc giới số 883 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên lõm đất, có độ cao là 354,36m, tọa độ địa lý 22° 41' 50,727" vĩ độ Bắc, 106° 45' 24,269" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 883, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 883/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,249km.

Mốc giới số 883/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 395,56m, tọa độ địa lý 22° 41' 50,166" vĩ độ Bắc 106° 45' 15,556" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 883/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 884. Chiều dài đoạn biên giới này 0,123km.

Mốc giới số 884 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, cạnh đường mòn, có độ cao là 356,28m, tọa độ địa lý 22° 41' 47,990" vĩ độ Bắc, 106° 45' 11,957" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 884, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 885. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,134km.

Mốc giới số 885 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 359,11m, tọa độ địa lý 22° 41' 43,748" vĩ độ Bắc, 106° 45' 10,897" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 885, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 886. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,834km.

Mốc giới số 886 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 508,57m, tọa độ địa lý 22° 41' 25,575" vĩ độ Bắc, 106° 45' 18,926" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 886, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 568m, điểm có độ cao 632m, đến mốc giới số 887. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,069km.

Mốc giới số 887 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 446,09m, tọa độ địa lý 22° 41' 02,536" vĩ độ Bắc, 106° 45' 34,534" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 887, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 616m, đến mốc giới số 888. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,134km.

Mốc giới số 888 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 403,27m, tọa độ địa lý 22° 40' 33,903" vĩ độ Bắc, 106° 45' 28,345" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 888, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, cắt qua một đường mòn, qua điểm có độ cao 624m, đến mốc giới số 888/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,398km.

Mốc giới số 888/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 515,51m, tọa độ địa lý 22° 40' 24,827" vĩ độ Bắc, 106° 45' 19,636" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 888/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 637m, đến điểm có độ cao 610m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam 96m, đến mốc giới số 889. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,879km.

Mốc giới số 889 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 519,34m, tọa độ địa lý 22° 40' 16,403" vĩ độ Bắc, 106° 44' 55,297" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 889, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 610m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 654m, đến điểm có độ cao 550m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 530m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 890. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,129km.

Mốc giới số 890 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 392,12m, tọa độ địa lý 22° 40' 03,296" vĩ độ Bắc, 106° 44' 28,699" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 890, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 890/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,098km.

Mốc giới số 890/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 391,96m, tọa độ địa lý 22° 40' 00,107" vĩ độ Bắc, 106° 44' 28,528" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 890/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua suối Luộc (suối không tên), đến điểm có độ cao 650m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 891. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,488km.

Mốc giới số 891 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 554,97m, tọa độ địa lý 22° 39' 50,000" vĩ độ Bắc, 106° 44' 16,232" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 891, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 892. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,681km.

Mốc giới số 892 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 498,35m, tọa độ địa lý 22° 39' 31,445" vĩ độ Bắc, 106° 44' 11,002" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 892, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 631m, sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 893. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,412km.

Mốc giới số 893 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 495,49m, tọa độ địa lý 22° 39' 20,539" vĩ độ Bắc, 106° 44' 05,053" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 893, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến điểm có độ cao 685m, sau đó theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 894. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,486km.

Mốc giới số 894 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 529,58m, tọa độ địa lý 22° 39' 17,723" vĩ độ Bắc, 106° 43' 49,541" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 894, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 895. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,512km.

Mốc giới số 895 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 406,59m, tọa độ địa lý 22° 39' 03,177" vĩ độ Bắc, 106° 43' 58,118" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 895, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 404m (tọa độ địa lý 22° 38' 51,32" vĩ độ

Bắc, 106° 43' 52,03" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 896. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,480km.

Mốc giới số 896 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 393,60m, tọa độ địa lý 22° 38' 50,492" vĩ độ Bắc, 106° 43' 51,193" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 896, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 398m (tọa độ địa lý 22° 38' 49,34" vĩ độ Bắc, 106° 43' 49,53" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến đỉnh núi Xa Đông Hẩu có độ cao 719m, rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 897. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,861km.

Mốc giới số 897 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 540,42m, tọa độ địa lý 22° 38' 35,088" vĩ độ Bắc, 106° 43' 32,651" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 897, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 737m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 898. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,173km.

Mốc giới số 898 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 620,16m, tọa độ địa lý 22° 38' 10,285" vĩ độ Bắc, 106° 43' 28,235" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 898, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua đỉnh núi Pa Lũng Tố có độ cao 710m (đo trên bản đồ), đến điểm có độ cao 665m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 899. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,058km.

Mốc giới số 899 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 491,39m, tọa độ địa lý 22° 37' 46,227" vĩ độ Bắc, 106° 43' 41,985" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 899, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, qua điểm có độ cao là 667m, đến mốc giới số 900. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,737km.

Mốc giới số 900 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 469,60m, tọa độ địa lý 22° 37' 26,243" vĩ độ Bắc, 106° 43' 29,532" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 900, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 901. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,063km.

Mốc giới số 901 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 492,24m, tọa độ địa lý 22° 37' 03,521" vĩ độ Bắc, 106° 43' 19,943" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 901, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 611m, đến điểm có độ cao 732m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 902. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,209km.

Mốc giới số 902 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 479,28m, tọa độ địa lý 22° 36' 45,543" vĩ độ Bắc, 106° 42' 53,828" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 902, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 576m, đến điểm có độ cao 500m (đo trên bản đồ), sau đó theo dốc núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 903. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,682km.

Mốc giới số 903 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 397,39m, tọa độ địa lý 22° 36' 30,464" vĩ độ Bắc, 106° 43' 04,910" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 903, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 508m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 583m, đến mốc giới số 904. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,603km.

Mốc giới số 904 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 614,68m, tọa độ địa lý 22° 36' 31,547" vĩ độ Bắc, 106° 43' 21,159" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 904, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 905. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,289km.

Mốc giới số 905 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 472,25m, tọa độ địa lý 22° 36' 25,164" vĩ độ Bắc, 106° 43' 25,422" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 905, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 579m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 510m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến điểm có độ cao 510m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 906. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,174km.

Mốc giới số 906 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 431,97m, tọa độ địa lý 22° 36' 04,386" vĩ độ Bắc, 106° 43' 47,738" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 906, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, qua điểm có độ cao 495m, đến điểm có độ cao 454m (tọa độ địa lý 22° 35' 58,49" vĩ độ Bắc, 106° 43' 43,17" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 906/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,376km.

Mốc giới số 906/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 329,64m, tọa độ địa lý 22° 35' 54,395" vĩ độ Bắc, 106° 43' 41,625" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 906/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến mốc giới số 906/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,136km.

Mốc giới số 906/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 330,17m, tọa độ địa lý 22° 35' 51,026" vĩ độ Bắc, 106° 43' 44,709" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 906/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 907. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,064km.

Mốc giới số 907 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, tại chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 332,56m, tọa độ địa lý 22° 35' 49,418" vĩ độ Bắc, 106° 43' 43,285" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 907, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 574m (tọa độ địa lý 22° 35' 41,63" vĩ độ Bắc, 106° 43' 41,91" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 908. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,345km.

Mốc giới số 908 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 604,50m, tọa độ địa lý 22° 35' 38,772" vĩ độ Bắc, 106° 43' 43,379" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 908, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 908/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,168km.

Mốc giới số 908/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 483,22m, tọa độ địa lý 22° 35' 37,390" vĩ độ Bắc, 106° 43' 38,444" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 908/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến điểm có độ cao 570m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 908/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,186km.

Mốc giới số 908/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 480,35m, tọa độ địa lý 22° 35' 36,470" vĩ độ Bắc, 106° 43' 32,279" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 908/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 909. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,161km.

Mốc giới số 909 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 401,94m, tọa độ địa lý 22° 35' 33,355" vĩ độ Bắc, 106° 43' 27,766" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 909, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, qua điểm có độ cao 510m, đến mốc giới số 909/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,606km.

Mốc giới số 909/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 470,18m, tọa độ địa lý 22° 35' 21,016" vĩ độ Bắc, 106° 43' 23,337" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 909/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 910. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,147km.

Mốc giới số 910 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 456,03m, tọa độ địa lý 22° 35' 16,270" vĩ độ Bắc, 106° 43' 23,750" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 910, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 910/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,167km.

Mốc giới số 910/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 420,06m, tọa độ địa lý 22° 35' 13,006" vĩ độ Bắc, 106° 43' 19,069" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 910/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 911. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,192km.

Mốc giới số 911 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Đông Bắc đường cái từ Hạ Lang (Việt Nam) đi Ke Jia (Trung Quốc), có độ cao là 301,99m, tọa độ địa lý 22° 35' 10,269" vĩ độ Bắc, 106° 43' 13,044" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 911, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua đường cái từ Hạ Lang (Việt Nam) đi Ke Jia (Trung Quốc), đến mốc giới số 912. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,054km.

Mốc giới số 912 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Tây Nam đường cái từ Hạ Lang (Việt Nam) đi Ke Jia (Trung Quốc), có độ cao là 288,89m, tọa độ địa lý 22° 35' 09,215" vĩ độ Bắc, 106° 43' 11,522" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 912, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua một con suối, đến mốc giới số 913. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,170km.

Mốc giới số 913 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 336,05m, tọa độ địa lý 22° 35' 05,902" vĩ độ Bắc, 106° 43' 06,750" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 913, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 914. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,347km.

Mốc giới số 914 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 406,68m, tọa độ địa lý 22° 34' 58,292" vĩ độ Bắc, 106° 42' 57,781" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 914, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 915. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,212km.

Mốc giới số 915 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 353,26m, tọa độ địa lý 22° 34' 55,370" vĩ độ Bắc, 106° 42' 51,069" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 915, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 915/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,068km.

Mốc giới số 915/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 357,00m, tọa độ địa lý 22° 34' 54,460" vĩ độ Bắc, 106° 42' 48,898" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 915/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 915/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,185km.

Mốc giới số 915/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 283,62m, tọa độ địa lý 22° 34' 51,956" vĩ độ Bắc, 106° 42' 43,007" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 915/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 916. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,097km.

Mốc giới số 916 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 280,20m, tọa độ địa lý 22° 34' 50,671" vĩ độ Bắc, 106° 42' 39,922" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 916, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 916/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,061km.

Mốc giới số 916/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 281,23m, tọa độ địa lý 22° 34' 49,006" vĩ độ Bắc, 106° 42' 41,077" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 916/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 917. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,268km.

Mốc giới số 917 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 277,11m, tọa độ địa lý 22° 34' 44,794" vĩ độ Bắc, 106° 42' 32,855" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 917, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến điểm có độ cao 290m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam, đến điểm có độ cao 450m, rồi theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 918. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,299km.

Mốc giới số 918 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, trong thung lũng, có độ cao là 266,82m, tọa độ địa lý 22° 34' 42,727" vĩ độ Bắc, 106° 42' 26,941" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 918, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 470m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 470m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 490m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 919. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,083km.

Mốc giới số 919 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 262,80m, tọa độ địa lý 22° 34' 57,837" vĩ độ Bắc, 106° 41' 54,268" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 919, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 919/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,100km.

Mốc giới số 919/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 264,55m, tọa độ địa lý 22° 34' 58,845" vĩ độ Bắc, 106° 41' 50,935" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 919/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, cắt qua suối Mo (Da Ka He), đến mốc giới số 919/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,083km.

Mốc giới số 919/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 261,43m, tọa độ địa lý 22° 34' 59,681" vĩ độ Bắc, 106° 41' 48,168" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 919/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 920. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,036km.

Mốc giới số 920 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, dưới chân núi, có độ cao là 262,22m, tọa độ địa lý 22° 35' 00,041" vĩ độ Bắc, 106° 41' 46,972" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 920, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, qua điểm có độ cao 553m, điểm có độ cao 547m, đến mốc giới số 921. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,181km.

Mốc giới số 921 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 388,67m, tọa độ địa lý 22° 34' 54,333" vĩ độ Bắc, 106° 41' 16,223" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 921, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 573m, điểm có độ cao 558m, đến mốc giới số 922. Chiều dài đoạn biên giới này 1,233km.

Mốc giới số 922 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 358,95m, tọa độ địa lý 22° 34' 55,337" vĩ độ Bắc, 106° 40' 48,035" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 922, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến điểm có độ cao 590m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 923. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,804km.

Mốc giới số 923 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 518,26m, tọa độ địa lý 22° 34' 42,802" vĩ độ Bắc, 106° 40' 31,191" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 923, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến điểm có độ cao 495m, sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 924. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,838km.

Mốc giới số 924 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, dưới chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 199,37m, tọa độ địa lý 22° 34' 40,050" vĩ độ Bắc, 106° 40' 04,313" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 924, đường biên giới theo đường thẳng (đường kéo dài nối từ điểm có độ cao 495m với mốc giới số 924), hướng Tây - Tây Nam 55m, đến giao điểm của đường thẳng này và trung tuyến dòng chảy suối không tên (Da Ge He), từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng chảy suối không tên (Da Ge He), hướng chung Tây - Tây Nam, đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối không tên (Da Ge He) với trung tuyến dòng chảy một suối không tên, từ đây chuyển thành biên giới đất liền, rồi theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc 82m, đến mốc giới số 925. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,654km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,517km.

Mốc giới số 925 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 195,10m, tọa độ địa lý 22° 34' 32,521" vĩ độ Bắc, 106° 39' 45,583" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 925, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc, cắt qua một đường mòn, đến điểm có độ cao 240m (tọa độ địa lý 22° 34' 33,58" vĩ độ Bắc, 106° 39' 41,56" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 519m, đến mốc giới số 926. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,776km.

Mốc giới số 926 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 465,77m, tọa độ địa lý 22° 34' 35,906" vĩ độ Bắc, 106° 39' 20,373" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 926, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 595m, điểm có độ cao 586m, đến mốc giới số 927. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,062km.

Mốc giới số 927 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn, có độ cao là 421,87m, tọa độ địa lý 22° 34' 42,906" vĩ độ Bắc, 106° 38' 48,861" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 927, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, qua điểm có độ cao 514m, điểm có độ cao 642m, đến mốc giới số 928. Chiều dài đoạn biên giới này là 2,631km.

Mốc giới số 928 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 470,47m, tọa độ địa lý 22° 35' 39,440" vĩ độ Bắc, 106° 38' 02,366" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 928, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến mốc giới số 929. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,561km.

Mốc giới số 929 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 408,16m, tọa độ địa lý 22° 35' 54,475" vĩ độ Bắc, 106° 37' 58,712" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 929, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 531m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến một đỉnh núi không tên, rồi rời sống núi cắt qua khe núi, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, qua điểm có độ cao 617m, đến mốc giới số 930. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,324km.

Mốc giới số 930 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 521,04m, tọa độ địa lý 22° 36' 16,712" vĩ độ Bắc, 106° 37' 37,736" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 930, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 695m, đến mốc giới số 931. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,686km.

Mốc giới số 931 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 376,81m, tọa độ địa lý 22° 36' 15,310" vĩ độ Bắc, 106° 36' 52,788" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 931, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Bắc, đến mốc giới số 932. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,411km.

Mốc giới số 932 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 536,35m, tọa độ địa lý 22° 36' 17,891" vĩ độ Bắc, 106° 36' 40,356" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 932, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 933. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,423km.

Mốc giới số 933 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 230,04m, tọa độ địa lý 22° 36' 07,193" vĩ độ Bắc, 106° 36' 31,032" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 933, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 934. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,226km.

Mốc giới số 934 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 201,98m, tọa độ địa lý 22° 36' 01,350" vĩ độ Bắc, 106° 36' 26,255" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 934, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam, đến mốc giới số 934/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,086km.

Mốc giới số 934/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 232,54m, tọa độ địa lý 22° 35' 58,584" vĩ độ Bắc, 106° 36' 25,951" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 934/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 934/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,140km.

Mốc giới số 934/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 234,40m, tọa độ địa lý 22° 35' 54,297" vĩ độ Bắc, 106° 36' 24,357" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 934/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 935. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,345km.

Mốc giới số 935 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ Bắc sông Bắc Vọng (Dong Gui He), có độ cao là 169,81m, tọa độ địa lý 22° 35' 44,247" vĩ độ Bắc, 106° 36' 19,108" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 935, đường biên giới theo đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng Nam 27m, đến giao điểm của đường thẳng này với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He); từ đây chuyển thành biên giới nước, sau đó xuôi theo trung tuyến dòng

chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 935/1, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 935/1(1) và cột mốc số 935/1(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Chiều dài đoạn biên giới này là 0,192km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 0,165km.

Mốc giới số 935/1 là mốc đôi cùng số phụ.

Cột mốc số 935/1(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, cạnh đường mòn, có độ cao là 177,41m, tọa độ địa lý 22° 35' 44,657" vĩ độ Bắc, 106° 36' 26,345" kinh độ Đông; cột mốc số 935/1(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, cạnh đường mòn, có độ cao là 184,35m, tọa độ địa lý 22° 35' 41,936" vĩ độ Bắc, 106° 36' 23,002" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 935/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 935/1(2) là 54,27m. Khoảng cách từ cột mốc số 935/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 935/1(1) là 72,78m.

Từ mốc giới số 935/1, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 936, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 936(1) và cột mốc số 936(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,704km.

Trong đoạn biên giới này có 1 cồn, cồn số hiệu 1 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 936 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 936(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, có độ cao là 176,66m, tọa độ địa lý 22° 35' 02,037" vĩ độ Bắc, 106° 36' 35,838" kinh độ Đông; cột mốc số 936(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, có độ cao là 183,15m, tọa độ địa lý 22° 35' 01,298" vĩ độ Bắc, 106° 36' 32,013" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 936(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 936(2) là 49,33m. Khoảng cách từ cột mốc số 936(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 936(1) là 62,33m.

Từ mốc giới số 936, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 937, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 937(1) và cột mốc số 937(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,347km.

Mốc giới số 937 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 937(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, có độ cao là 171,14m, tọa độ địa lý 22° 34' 33,660" vĩ độ Bắc, 106° 36' 05,445" kinh độ Đông; cột mốc số 937(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, có độ cao là 175,83m, tọa độ địa lý 22° 34' 32,492" vĩ độ Bắc, 106° 36' 01,921" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 937(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 937(2) là 51,17m. Khoảng cách từ cột mốc số 937(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 937(1) là 55,76m.

Từ mốc giới số 937, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung là hướng Nam, cắt qua trung điểm đập Thủng Quây (Dong Gui Jiu Ba Shou), đến mốc giới số 938, tức là giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với trung tuyến dòng chảy sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc. Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 2,802km.

Trong đoạn sông biên giới này có 5 cồn, trong đó cồn số hiệu 2, 3, 4 quy thuộc Việt Nam; cồn số hiệu 5, 6 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 938 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 938(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 163,57m, tọa độ địa lý 22° 33' 10,208" vĩ độ Bắc, 106° 36' 01,069" kinh độ Đông. Cột mốc số 938(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 162,91m, tọa độ địa lý 22° 33' 10,979" vĩ độ Bắc, 106° 36' 04,074" kinh độ Đông. Cột mốc số 938(3) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ tại bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc, có độ cao là 161,52m, tọa độ địa lý 22° 33' 08,788" vĩ độ Bắc, 106° 36' 03,555" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 938(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 938(2) là 44,14m; khoảng cách từ cột mốc số 938(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 938(1) là 44,99m; khoảng cách từ cột mốc số 938(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 938(3) là 42,20m; khoảng cách từ cột mốc số 938(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 938(1) là 41,20m; khoảng cách giữa cột mốc số 938(2) và cột mốc số 938(3) là 69,04m.

Khoảng cách từ cột mốc số 938(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) và trung tuyến dòng chảy sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc là 38,80m; khoảng cách từ cột mốc số 938(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) và trung tuyến dòng chảy sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc là 57,50m; khoảng cách từ cột mốc số 938(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) và trung tuyến dòng chảy sông không tên trong lãnh thổ Trung Quốc là 48,50m.

Từ mốc giới số 938, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 939, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 939(1) và cột mốc số 939(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,575km.

Mốc giới số 939 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 939(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi nhỏ tại bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, có độ cao là 162,10m, tọa độ địa lý 22° 33' 03,343" vĩ độ Bắc, 106° 35' 44,539" kinh độ Đông; cột mốc số 939(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, có độ cao là 164,94m, tọa độ địa lý 22° 33' 08,021" vĩ độ Bắc, 106° 35' 46,628" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 939(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 939(2) là 65,81m. Khoảng cách từ cột mốc số 939(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 939(1) là 90,01m.

Từ mốc giới số 939, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 940, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 940(1) và cột mốc số 940(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,624km.

Trong đoạn sông biên giới này có 1 cồn, cồn Nà Chích số hiệu 7 quy thuộc Việt Nam.

Mốc giới số 940 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 940(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, có độ cao là 163,66m, tọa độ địa lý 22° 32' 57,740" vĩ độ Bắc, 106° 35' 27,966" kinh độ Đông; cột mốc số 940(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, có độ cao là 163,09m, tọa độ địa lý 22° 33' 00,264" vĩ độ Bắc, 106° 35' 24,661" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 940(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 940(2) là 44,01m. Khoảng cách từ cột mốc số 940(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 940(1) là 78,30m.

Từ mốc giới số 940, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy hoặc trung tuyến dòng chảy chính sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 941, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 941(1) và cột mốc số 941(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 4,114km.

Trong đoạn sông biên giới này có 8 cồn, trong đó cồn số hiệu 8, 11, 15 quy thuộc Việt Nam, cồn số hiệu 9, 10, 12, 13, 14 quy thuộc Trung Quốc.

Mốc giới số 941 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 941(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, có độ cao là 151,39m, tọa độ địa lý 22° 30' 59,455" vĩ độ Bắc, 106° 34' 57,033" kinh độ Đông; cột mốc số 941(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, có độ cao là 152,31m, tọa độ địa lý 22° 30' 59,062" vĩ độ Bắc, 106° 34' 54,638" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 941(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 941(2) là 34,33m. Khoảng cách từ cột mốc số 941(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 941(1) là 35,23m.

Từ mốc giới số 941, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 942, tức là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 942(1) và cột mốc số 942(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 3,715km.

Mốc giới số 942 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 942(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, có độ cao là 145,26m, tọa độ địa lý 22° 29' 01,997" vĩ độ Bắc, 106° 34' 57,868" kinh độ Đông; cột mốc số 942(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, có độ cao là 144,49m, tọa độ địa lý 22° 29' 03,272" vĩ độ Bắc, 106° 34' 55,500" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 942(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 942(2) là 38,48m. Khoảng cách từ cột mốc số 942(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 942(1) là 39,78m.

Từ mốc giới số 942, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 943, tức

là giao điểm giữa đường nối liền cột mốc số 943(1) và cột mốc số 943(2) với trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 1,608km.

Mốc giới số 943 là mốc đôi cùng số.

Cột mốc số 943(1) là mốc loại lớn, làm bằng đá hoa cương, có gắn quốc huy, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Trung Quốc, phía Đông Nam cầu đường bộ từ cửa khẩu Tà Lùng (Việt Nam) đi Thuỷ Khẩu (Trung Quốc), có độ cao là 150,12m, tọa độ địa lý 22° 28' 24,002" vĩ độ Bắc, 106° 34' 48,753" kinh độ Đông; cột mốc số 943(2) là mốc loại lớn, làm bằng đá hoa cương, có gắn quốc huy, đặt trên bờ sông Bắc Vọng (Dong Gui He) phía Việt Nam, phía Đông Bắc cầu đường bộ từ cửa khẩu Tà Lùng (Việt Nam) đi Thuỷ Khẩu (Trung Quốc), có độ cao là 150,59m, tọa độ địa lý 22° 28' 26,433" vĩ độ Bắc, 106° 34' 47,983" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 943(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 943(2) là 39,08m. Khoảng cách từ cột mốc số 943(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 943(1) là 38,89m.

Từ mốc giới số 943, đường biên giới xuôi theo trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He), hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 944, tức là giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang). Đoạn biên giới này là biên giới nước, độ dài là 0,571km.

Mốc giới số 944 là mốc ba cùng số.

Cột mốc số 944(1) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với sông Bằng Giang (Xian Jiang), có độ cao là 144,84m, tọa độ địa lý 22° 28' 10,363" vĩ độ Bắc, 106° 34' 40,899" kinh độ Đông; cột mốc số 944(2) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau giữa sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với sông Bằng Giang (Xian Jiang), có độ cao là 142,18m, tọa độ địa lý 22° 28' 10,246" vĩ độ Bắc, 106° 34' 43,011" kinh độ Đông; cột mốc số 944(3) là mốc loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau giữa sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với sông Bằng Giang (Xian Jiang), có độ cao là 145,76m, tọa độ địa lý 22° 28' 07,163" vĩ độ Bắc, 106° 34' 41,178" kinh độ Đông.

Khoảng cách từ cột mốc số 944(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 944(2) là 31,14m, khoảng cách từ cột mốc số 944(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 944(1) là 29,38m; khoảng cách từ cột mốc số 944(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 944(3) là 48,02m; khoảng cách từ cột mốc số 944(3) đến

đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 944(1) là 50,74m; khoảng cách giữa cột mốc số 944(2) và cột mốc số 944(3) là 108,40m.

Khoảng cách từ cột mốc số 944(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang) là 57,60m. Khoảng cách từ cột mốc số 944(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang) là 47,50m. Khoảng cách từ cột mốc số 944(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Bắc Vọng (Dong Gui He) với trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang) là 60,20m.

Từ mốc giới số 944, đường biên giới ngược theo trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang), hướng chung Bắc - Tây Bắc, đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang) và đường thẳng vuông góc với trung tuyến dòng chảy sông Bằng Giang (Xian Jiang), từ đây chuyển thành biên giới đất liền, sau đó theo đường thẳng này, hướng Tây - Tây Bắc 64m, đến mốc giới số 945. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,238km, trong đó độ dài đường biên giới nước là 1,174km.

Mốc giới số 945 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, bờ Tây sông Bằng Giang (Xian Jiang), có độ cao là 145,91m, tọa độ địa lý 22° 28' 33,632" vĩ độ Bắc, 106° 34' 26,995" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 945, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây, đến mốc giới số 945/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,141km.

Mốc giới số 945/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 145,94m, tọa độ địa lý 22° 28' 33,198" vĩ độ Bắc, 106° 34' 22,074" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 945/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 946. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,115km.

Mốc giới số 946 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 148,01m, tọa độ địa lý 22° 28' 31,655" vĩ độ Bắc, 106° 34' 18,408" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 946, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua một đường đất, đến mốc giới số 947. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,109km.

Mốc giới số 947 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 142,04m, tọa độ địa lý 22° 28' 29,703" vĩ độ Bắc, 106° 34' 15,210" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 947, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến điểm có độ cao 149m (tọa độ địa lý 22° 28' 29,19" vĩ độ Bắc, 106° 34' 14,38"

kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, qua điểm có độ cao 312m, đến mốc giới số 948. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,652km.

Mốc giới số 948 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 258,64m, tọa độ địa lý 22° 28' 18,492" vĩ độ Bắc, 106° 34' 04,193" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 948, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 949. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,635km.

Mốc giới số 949 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 347,69m, tọa độ địa lý 22° 28' 00,682" vĩ độ Bắc, 106° 33' 54,722" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 949, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 469m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến điểm có độ cao 389m, rồi theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 950. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,639km.

Mốc giới số 950 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 341,68m, tọa độ địa lý 22° 27' 58,622" vĩ độ Bắc, 106° 33' 38,429" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 950, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 951. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,841km.

Mốc giới số 951 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 389,17m, tọa độ địa lý 22° 27' 37,719" vĩ độ Bắc, 106° 33' 34,191" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 951, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 530m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 952. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,092km.

Mốc giới số 952 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 348,17m, tọa độ địa lý 22° 27' 14,321" vĩ độ Bắc, 106° 33' 38,475" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 952, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, qua điểm có độ cao 483m, đến mốc giới số 953. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,396km.

Mốc giới số 953 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 319,09m, tọa độ địa lý 22° 27' 03,293" vĩ độ Bắc, 106° 33' 33,282" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 953, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 954. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,461km.

Mốc giới số 954 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng bê tông, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 490,87m, tọa độ địa lý 22° 26' 49,946" vĩ độ Bắc, 106° 33' 32,787" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 954, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 955. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,783km.

Mốc giới số 955 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 375,69m, tọa độ địa lý 22° 26' 42,474" vĩ độ Bắc, 106° 33' 54,537" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 955, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua điểm có độ cao 479m, đến mốc giới số 956. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,621km.

Mốc giới số 956 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 354,16m, tọa độ địa lý 22° 26' 25,355" vĩ độ Bắc, 106° 34' 02,425" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 956, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 956/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,144km.

Mốc giới số 956/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 336,67m, tọa độ địa lý 22° 26' 21,093" vĩ độ Bắc, 106° 34' 00,475" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 956/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 956/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,194km.

Mốc giới số 956/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 378,73m, tọa độ địa lý 22° 26' 17,660" vĩ độ Bắc, 106° 33' 55,280" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 956/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 957. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,113km.

Mốc giới số 957 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 445,22m, tọa độ địa lý 22° 26' 14,905" vĩ độ Bắc, 106° 33' 52,654" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 957, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, qua đỉnh núi Khau Múc (Ba Diao Da Shan) có độ cao 489m, đến mốc giới số 958. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,808km.

Mốc giới số 958 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 370,94m, tọa độ địa lý 22° 25' 54,928" vĩ độ Bắc, 106° 34' 00,004" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 958, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 958/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,236km.

Mốc giới số 958/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 297,98m, tọa độ địa lý 22° 25' 48,837" vĩ độ Bắc, 106° 34' 04,069" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 958/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, đến mốc giới số 958/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,102km.

Mốc giới số 958/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, phía Bắc đường mòn, có độ cao là 254,65m, tọa độ địa lý 22° 25' 46,249" vĩ độ Bắc, 106° 34' 01,869" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 958/2, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây Nam, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 959. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,337km.

Mốc giới số 959 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên bãi đất bằng, có độ cao là 253,32m, tọa độ địa lý 22° 25' 37,905" vĩ độ Bắc, 106° 33' 54,255" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 959, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 960. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,201km.

Mốc giới số 960 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 271,39m, tọa độ địa lý 22° 25' 31,556" vĩ độ Bắc, 106° 33' 52,582" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 960, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 961. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,041km.

Mốc giới số 961 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 297,32m, tọa độ địa lý 22° 25' 30,308" vĩ độ Bắc, 106° 33' 52, 038" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 961, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, đến điểm có độ cao 426m (tọa độ địa lý 22° 25' 25,62" vĩ độ Bắc, 106° 33' 49,97" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, đến điểm có độ cao 468m (tọa độ địa lý 22° 25' 25,47" vĩ độ Bắc, 106° 33' 41,78" kinh độ Đông), rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 962. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,578km.

Mốc giới số 962 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 476,84m, tọa độ địa lý 22° 25' 20,826" vĩ độ Bắc, 106° 33' 38,221" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 962, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 403m, đến mốc giới số 963. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,767km.

Mốc giới số 963 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 328,32m, tọa độ địa lý 22° 25' 03,457" vĩ độ Bắc, 106° 33' 54,671" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 963, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 356m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 964. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,693km.

Mốc giới số 964 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 591,11m, tọa độ địa lý 22° 24' 43,730" vĩ độ Bắc, 106° 34' 03,413" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 964, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 965. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,294km.

Mốc giới số 965 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 425,12m, tọa độ địa lý 22° 24' 35,004" vĩ độ Bắc, 106° 34' 07,621" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 965, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến điểm có độ cao 521m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 966. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,425km.

Mốc giới số 966 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 433,87m, tọa độ địa lý 22° 24' 25,881" vĩ độ Bắc, 106° 34' 16,818" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 966, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 603m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông Nam, đến điểm có độ cao 477m (đo trên bản đồ), rồi theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, đến mốc giới số 967. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,677km.

Mốc giới số 967 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 407,88m, tọa độ địa lý 22° 24' 07,927" vĩ độ Bắc, 106° 34' 25,152" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 967, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 546m, đến mốc giới số 968. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,061km.

Mốc giới số 968 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, cạnh đường mòn, có độ cao là 323,76m, tọa độ địa lý 22° 23' 48,940" vĩ độ Bắc, 106° 34' 51,783" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 968, đường biên giới theo dốc núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 500m (đo trên bản đồ), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 526m, đến điểm có độ cao 504m (tọa độ địa lý 22° 23' 42,20" vĩ độ Bắc, 106° 35' 06,22" kinh độ Đông), rồi theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 969. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,737km.

Mốc giới số 969 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 313,97m, tọa độ địa lý 22° 23' 36,252" vĩ độ Bắc, 106° 35' 09,129" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 969, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam 190m, đến điểm có độ cao 518m (tọa độ địa lý 22° 23' 30,07" vĩ độ Bắc, 106° 35' 08,96" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 542m, điểm có độ cao 545m, đến điểm có độ cao 440m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Tây Nam 100m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 970. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,153km.

Mốc giới số 970 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 354,38m, tọa độ địa lý 22° 23' 02,878" vĩ độ Bắc, 106° 35' 00,006" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 970, đường biên giới cắt qua khe và một đường mòn, theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 526m (tọa độ địa lý 22° 22' 59,29" vĩ độ Bắc, 106° 34' 54,18" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam 140m, đến mốc giới số 971. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,341km.

Mốc giới số 971 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 400,50m, tọa độ địa lý 22° 22' 55,165" vĩ độ Bắc, 106° 34' 56,215" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 971, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Đông Nam 98m, đến điểm có độ cao 489m (tọa độ địa lý 22° 22' 52,16" vĩ độ Bắc, 106° 34' 57,35" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến điểm có độ cao 536m (tọa độ địa lý 22° 22' 54,24" vĩ độ Bắc, 106° 35' 04,84" kinh độ Đông), rồi theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến điểm có độ cao 511m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến điểm có độ cao 360m (đo trên bản đồ), rồi theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam 144m, cắt qua đường cái từ Nà Nưa (Việt Nam)

đến Na Hua (Trung Quốc), đến mốc giới số 972. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,474km.

Mốc giới số 972 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, phía Nam đường cái từ Nà Nưa (Việt Nam) đến Na Hua (Trung Quốc), có độ cao là 315,85m, tọa độ địa lý 22°22' 24,322" vĩ độ Bắc, 106°34' 54,603" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 972, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 973. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,535km.

Mốc giới số 973 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 439,07m, tọa độ địa lý 22°22' 14,137" vĩ độ Bắc, 106°34' 40,145" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 973, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Tây, qua điểm có độ cao 514m, đến mốc giới số 973/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,422km.

Mốc giới số 973/1 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 503,02m, tọa độ địa lý 22°22' 12,053" vĩ độ Bắc, 106° 34' 26,313" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 973/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 973/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,021km.

Mốc giới số 973/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 503,39m, tọa độ địa lý 22°22' 11,813" vĩ độ Bắc, 106° 34' 25,635" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 973/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 974. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,218km.

Mốc giới số 974 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 545,00m, tọa độ địa lý 22°22' 10,160" vĩ độ Bắc, 106°34' 18,235" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 974, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 975. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,415km.

Mốc giới số 975 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 495,86m, tọa độ địa lý 22°21' 58,160" vĩ độ Bắc, 106°34' 13,095" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 975, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Nam - Tây Nam, cắt qua khe, đến mốc giới số 975/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,071km.

Mốc giới số 975/1 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 468,28m, tọa độ địa lý 22° 21' 56,076" vĩ độ Bắc, 106° 34' 12,006" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 975/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 975/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,148km.

Mốc giới số 975/2 là mốc đơn phụ, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 545,93m, tọa độ địa lý 22° 21' 53,860" vĩ độ Bắc, 106° 34' 07,431" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 975/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Bắc, đến điểm có độ cao 571m (tọa độ địa lý 22° 21' 57,02" vĩ độ Bắc, 106° 34' 02,61" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Bắc 268m, đến mốc giới số 976. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,441km.

Mốc giới số 976 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 606,88m, tọa độ địa lý 22° 21' 59,837" vĩ độ Bắc, 106° 33' 53,755" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 976, đường biên giới theo trung tuyến đường mòn tại sườn núi, hướng chung Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 976/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,131km.

Mốc giới số 976/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn trên sườn núi, có độ cao là 607,56m, tọa độ địa lý 22° 21' 58,484" vĩ độ Bắc, 106° 33' 50,117" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 976/1, đường biên giới theo trung tuyến đường mòn tại sườn núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 976/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,152km.

Mốc giới số 976/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt ở giữa đường mòn trên sườn núi, có độ cao là 606,22m, tọa độ địa lý 22° 21' 54,552" vĩ độ Bắc, 106° 33' 47,776" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 976/2, đường biên giới theo trung tuyến đường mòn tại sườn núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 977. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,069km.

Mốc giới số 977 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên dốc núi, có độ cao là 607,50m, tọa độ địa lý 22° 21' 52,721" vĩ độ Bắc, 106° 33' 46,495" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 977, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Tây - Tây Nam, đến mốc giới số 978. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,141km.

Mốc giới số 978 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 629,54m, tọa độ địa lý 22° 21' 51,613" vĩ độ Bắc, 106° 33' 41,699" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 978, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, qua điểm có độ cao 616m, đến mốc giới số 979. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,953km.

Mốc giới số 979 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 561,37m, tọa độ địa lý 22° 21' 21,992" vĩ độ Bắc, 106° 33' 41,834" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 979, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Tây Nam, đến mốc giới số 979/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,215km.

Mốc giới số 979/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 596,32m, tọa độ địa lý 22° 21' 16,022" vĩ độ Bắc, 106° 33' 39,903" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 979/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 979/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,481km.

Mốc giới số 979/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, cạnh đường mòn, có độ cao là 771,36m, tọa độ địa lý 22° 21' 01,486" vĩ độ Bắc, 106° 33' 37,384" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 979/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Tây Nam, đến mốc giới số 980. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,372km.

Mốc giới số 980 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi của núi Khau Mười, có độ cao là 811,95m, tọa độ địa lý 22° 20' 55,052" vĩ độ Bắc, 106° 33' 29,550" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 980, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 981. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,976km.

Mốc giới số 981 là mốc đơn, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 528,37m, tọa độ địa lý 22° 20' 38,795" vĩ độ Bắc, 106° 33' 58,810" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 981, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 982. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,537km.

Mốc giới số 982 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại thung lũng, có độ cao là 407,01m, tọa độ địa lý 22° 20' 29,814" vĩ độ Bắc, 106° 34' 14,886" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 982, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 983. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,256km.

Mốc giới số 983 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại chân núi, có độ cao là 424,25m, tọa độ địa lý 22° 20' 35,097" vĩ độ Bắc, 106° 34' 21,794" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 983, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến điểm có độ cao 508m (tọa độ địa lý 22° 20' 41,16" vĩ độ Bắc, 106° 34' 27,58" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung là hướng Bắc, đến mốc giới số 984. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,323km.

Mốc giới số 984 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 513,51m, tọa độ địa lý 22° 20' 43,476" vĩ độ Bắc, 106° 34' 28,026" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 984, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, cắt qua khe, đến mốc giới số 985. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,359km.

Mốc giới số 985 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao 519,50m, tọa độ địa lý 22° 20' 42,686" vĩ độ Bắc, 106° 34' 40,528" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 985, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Nam, đến mốc giới số 986. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,302km.

Mốc giới số 986 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 513,69m, tọa độ địa lý 22° 20' 33,511" vĩ độ Bắc, 106° 34' 40,858" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 986, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 551m, đến mốc giới số 987. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,600km.

Mốc giới số 987 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 540,87m, tọa độ địa lý 22° 20' 22,533" vĩ độ Bắc, 106° 34' 55,492" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 987, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông, đến điểm có độ cao 502m (tọa độ địa lý 22° 20' 23,57" vĩ độ Bắc, 106° 35' 03,88" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 507m, đến mốc giới số 988. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,580km.

Mốc giới số 988 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 471,11m, tọa độ địa lý 22° 20' 28,342" vĩ độ Bắc, 106° 35' 14,175" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 988, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 989. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,441km.

Mốc giới số 989 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 509,80m, tọa độ địa lý 22°20' 36,739" vĩ độ Bắc, 106°35' 24,418" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 989, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Nam, qua điểm có độ cao 512m, đến mốc giới số 990. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,477km.

Mốc giới số 990 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 476,95m, tọa độ địa lý 22°20' 26,992" vĩ độ Bắc, 106°35' 35,879" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 990, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 990/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,081km.

Mốc giới số 990/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 492,35m, tọa độ địa lý 22°20' 27,761" vĩ độ Bắc, 106° 35' 38,546" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 990/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 990/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,181km.

Mốc giới số 990/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 493,10m, tọa độ địa lý 22°20' 22,964" vĩ độ Bắc, 106° 35' 41,854" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 990/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 991. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,274km.

Mốc giới số 991 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 545,10m, tọa độ địa lý 22°20' 19,732" vĩ độ Bắc, 106°35' 50,135" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 991, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 992. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,228km.

Mốc giới số 992 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 535,20m, tọa độ địa lý 22°20' 17,583" vĩ độ Bắc, 106°35' 57,474" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 992, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 993. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,281km.

Mốc giới số 993 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 500,27m, tọa độ địa lý 22° 20' 17,831" vĩ độ Bắc, 106° 36' 06,213" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 993, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 483m (tọa độ địa lý 22° 20' 14,93" vĩ độ Bắc, 106° 36' 11,31" kinh độ Đông), sau đó theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc 50m, cắt qua một đường mòn, đến mốc giới số 994. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,223km.

Mốc giới số 994 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 460,41m, tọa độ địa lý 22° 20' 15,347" vĩ độ Bắc, 106° 36' 13,004" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 994, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến điểm có độ cao 492m (tọa độ địa lý 22° 20' 15,41" vĩ độ Bắc, 106° 36' 15,43" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 994/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,150km.

Mốc giới số 994/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 526,31m, tọa độ địa lý 22° 20' 16,252" vĩ độ Bắc, 106° 36' 17,961" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 994/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Bắc - Đông Bắc, đến mốc giới số 994/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,106km.

Mốc giới số 994/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 533,86m, tọa độ địa lý 22° 20' 19,487" vĩ độ Bắc, 106° 36' 19,073" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 994/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 995. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,194km.

Mốc giới số 995 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 519,55m, tọa độ địa lý 22° 20' 18,816" vĩ độ Bắc, 106° 36' 25,812" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 995, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông 315m, đến điểm có độ cao 552m (tọa độ địa lý 22° 20' 18,23" vĩ độ Bắc, 106° 36' 36,80" kinh độ Đông), sau đó theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 996. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,402km.

Mốc giới số 996 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 562,19m, tọa độ địa lý 22° 20' 18,844" vĩ độ Bắc, 106° 36' 39,763" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 996, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông Bắc, đến mốc giới số 997. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,296km.

Mốc giới số 997 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 564,03m, tọa độ địa lý 22° 20' 26,181" vĩ độ Bắc, 106° 36' 46,132" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 997, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến điểm có độ cao 556m, sau đó theo đường sống núi, hướng chung Nam - Đông Nam, đến mốc giới số 998. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,967km.

Mốc giới số 998 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 588,02m, tọa độ địa lý 22° 20' 03,873" vĩ độ Bắc, 106° 37' 00,925" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 998, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 999. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,428km.

Mốc giới số 999 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 581,50m, tọa độ địa lý 22° 19' 59,032" vĩ độ Bắc, 106° 37' 14,253" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 999, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Bắc, qua điểm có độ cao 528m, đến điểm có độ cao 537m, sau đó theo đường thẳng, hướng Đông, đến mốc giới số 1000. Chiều dài đoạn biên giới này là 1,460km.

Mốc giới số 1000 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 563,39m, tọa độ địa lý 22° 20' 14,817" vĩ độ Bắc, 106° 37' 59,307" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1000, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 1001. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,336km.

Mốc giới số 1001 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt tại khe núi, có độ cao là 535,51m, tọa độ địa lý 22° 20' 22,996" vĩ độ Bắc, 106° 38' 07,063" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1001, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 1002. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,491km.

Mốc giới số 1002 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sườn núi, có độ cao là 538,97m, tọa độ địa lý 22° 20' 17,562" vĩ độ Bắc, 106° 38' 23,204" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1002, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Bắc, đến mốc giới số 1002/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,177km.

Mốc giới số 1002/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 537,54m, tọa độ địa lý 22°20' 18,882" vĩ độ Bắc, 106° 38' 29,230" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1002/1, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông Bắc, đến mốc giới số 1002/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,246km.

Mốc giới số 1002/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 505,26m, tọa độ địa lý 22°20' 23,717" vĩ độ Bắc, 106° 38' 36,072" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1002/2, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung là hướng Đông, đến mốc giới số 1003. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,210km.

Mốc giới số 1003 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên đỉnh núi, có độ cao là 508,87m, tọa độ địa lý 22°20' 22,428" vĩ độ Bắc, 106°38' 43,235" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1003, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, qua điểm có độ cao 568m, đến mốc giới số 1004. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,633km.

Mốc giới số 1004 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 601,47m, tọa độ địa lý 22°20' 18,770" vĩ độ Bắc, 106°39' 01,830" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1004, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 1005. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,706km.

Mốc giới số 1005 là mốc đơn, loại trung, làm bằng đá hoa cương, đặt trên yên ngựa, có độ cao là 532,75m, tọa độ địa lý 22°20' 08,312" vĩ độ Bắc, 106°39' 20,812" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1005, đường biên giới theo đường thẳng, hướng Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 1005/1. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,185km.

Mốc giới số 1005/1 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 592,78m, tọa độ địa lý 22°20' 05,183" vĩ độ Bắc, 106° 39' 26,346" kinh độ Đông.

Từ mốc giới số 1005/1, đường biên giới theo đường sống núi, hướng chung Đông - Đông Nam, đến mốc giới số 1005/2. Chiều dài đoạn biên giới này là 0,191km.

Mốc giới số 1005/2 là mốc đơn phụ, loại nhỏ, làm bằng đá hoa cương, đặt trên sống núi, có độ cao là 679,16m, tọa độ địa lý 22°20' 02,025" vĩ độ Bắc, 106° 39' 31,977" kinh độ Đông.

(Xem tiếp Công báo số 640 + 641)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng